

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Vũ Thị Trang
Giảng viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**ĐỀ TÀI: HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ AN ĐẠT**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Vũ Thị Trang
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Trang

Mã SV: 120057

Lớp : QT1204K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ dầu khí An Đạt.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Về mặt lý luận: Hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Về mặt thực tế: Mô tả và phân tích thực trạng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ dầu khí An Đạt.
 - Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ dầu khí An Đạt.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sổ sách, số liệu kế toán của công ty trong năm 2011.
 - Hoá đơn chứng từ phát sinh trong năm 2011.
 - Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 của công ty.
 - Và các số liệu tham khảo khác.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ dầu khí An Đạt

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ dầu khí An Đạt.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 27 tháng 08 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 02 tháng 12 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I :NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI.....	3
1.1.NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DN THƯƠNG MẠI	3
1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và các định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	3
1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại	4
1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	5
1.1.4. Những khái niệm, thuật ngữ cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	6
1.1.4.1. Khái niệm doanh thu trong doanh nghiệp	6
1.1.4.2. Khái niệm chi phí trong doanh nghiệp	8
1.1.4.3. Khái niệm kết quả kinh doanh	9
1.1.5. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.....	9
1.1.5.1. Bán hàng	9
1.1.5.2. Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp thương mại	10
1.1.6. Các phương thức thanh toán	11
1.2. TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	12
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	12
1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.....	12
1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	19
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán	22

1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	28
1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng	28
1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	29
1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính	32
1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	32
1.2.4.2. Kế toán chi phí tài chính.....	33
1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác	36
1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác	36
1.2.5.2. Kế toán chi phí khác	37
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	39
1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	41
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM & DV DẦU KHÍ AN ĐẠT	44
2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐƠN VỊ	44
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của đơn vị	44
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.....	45
2.1.3. Cơ cấu bộ máy quản lý của đơn vị.....	46
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt	48
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	48
2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.....	50
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán	50
2.1.4.4. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại đơn vị ..	50
2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI ĐƠN VỊ	53
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	53
2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm và phương thức bán hàng	53
2.2.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại đơn vị.....	54

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán	65
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng.....	73
2.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng trong doanh nghiệp.....	73
2.2.3.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	73
2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	84
2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	84
2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	84
2.2.4.3. Phương pháp hạch toán.....	85
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	92

CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM & DV DẦU KHÍ AN ĐẠT

3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG

3.1.1. Ưu điểm	101
3.1.2. Nhược điểm.	103

3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM & DV DẦU KHÍ AN ĐẠT.....

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt .	106
3.2.2. Một số nguyên tắc và yêu cầu tiến hành hoàn thiện công tác kế toán.	107
3.2.2.1. Một số nguyên tắc hoàn thiện.....	107
3.2.2.2. Yêu cầu hoàn thiện	108
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt .	109

KẾT LUẬN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế ngày càng phát triển như hiện nay đã mở ra vô vàn cơ hội lẫn thách thức cho các doanh nghiệp kinh doanh. Vì vậy để có thể tồn tại lâu dài và vươn lên thì các doanh nghiệp cần chủ động trong sản xuất kinh doanh, nắm bắt các thông tin đặc biệt là các thông tin kinh tế tài chính một cách nhanh chóng và chuẩn xác.

Như chúng ta đã biết, trong điều kiện kinh tế thị trường phát triển và hội nhập, nhiều doanh nghiệp trên cùng địa bàn, cùng kinh doanh những sản phẩm giống nhau nên có sự cạnh tranh lẫn nhau ngày càng trở nên khó khăn hơn. Nếu để tiêu thụ được sản phẩm, hàng hóa đạt lợi nhuận cao thì các doanh nghiệp phải thường xuyên theo dõi tình hình những biến động của thị trường, để có thể đưa ra các chiến lược tiêu thụ kịp thời, và để hạn chế những bất lợi đối với lợi nhuận của doanh nghiệp.

Nắm bắt được những quy luật đó, vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp kinh doanh là làm sao đạt được lợi nhuận cao nhất trong kinh doanh. Vì thế, cuối kỳ kinh doanh của doanh nghiệp phải xác định kết quả kinh doanh xem lãi hay lỗ từ đó có biện pháp quản lý doanh nghiệp thích hợp để đạt được lợi nhuận cao nhất trong kinh doanh.

Doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn quan trọng đối với nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các tổ chức tài chính... Các thông tin này được kế toán trong Công ty tập hợp, phản ánh dưới các con số và chỉ tiêu kinh tế tài chính. Nhà quản trị Doanh nghiệp muốn có độ tin cậy cao thì cần tổ chức đội ngũ nhân viên và quy trình kế toán sao cho phù hợp với thực trạng đơn vị mình, ít tốn kém và mang lại hiệu quả. Tuy nhiên đây không phải là nhiệm vụ dễ dàng, nhất là khi thực tế các hoạt động kinh tế diễn ra ngày càng phức tạp.

Với hoạt động kinh doanh thương mại tại công ty TNHH Thương mại và dịch vụ dầu khí An Đạt thì tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có tầm quan trọng rất lớn. Nó phản ánh thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp có hiệu quả hay không. Xuất phát từ tầm quan trọng của công tác kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với mỗi doanh nghiệp nên trong thời gian thực tập tại công ty TNHH Thương mại và dịch vụ dầu khí An Đạt dưới sự hướng dẫn tận tình của giảng viên – Th.S Nguyễn Văn Thụ và các anh chị trong phòng kế toán của công ty, em đã mạnh dạn tìm hiểu đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và dịch vụ dầu khí An Đạt”**.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài được chia làm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và dịch vụ dầu khí An Đạt.

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và dịch vụ dầu khí An Đạt.

Vì thời gian, sự hiểu biết và trình độ nghiệp vụ còn nhiều hạn chế nên bài viết của em còn nhiều thiếu sót. Em kính mong các thầy cô sẽ chỉ bảo, tạo điều kiện để em hoàn thành tốt bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI****1.1.NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DN THƯƠNG MẠI****1.1.1. Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Trong nền kinh tế thị trường với môi trường cạnh tranh gay gắt như hiện nay, để chống chọi với sức ép của thị trường và đứng vững đòi hỏi các doanh nghiệp phải có chiến lược kinh doanh cụ thể, biết kinh doanh hiệu quả, quản lý nghiêm túc, tiết kiệm chi phí, nâng cao doanh thu, tăng cường lợi nhuận. Chính vì vậy yêu cầu về công tác hạch toán cũng như quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nên được đề cao.

Doanh thu là một khâu trong quá trình bán hàng, là giai đoạn cuối cùng của giai đoạn kinh doanh và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với doanh nghiệp thương mại, vì nó giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn để tiếp tục quá trình kinh doanh tiếp theo.

Đồng thời, các doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến quản lý chi phí, bởi nếu chi phí không hợp lý, không đúng với thực chất của nó thì đều gây ra khó khăn trong quản lý và đều làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sao cho hợp lý và hiệu quả nhất.

Tài liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là căn cứ quan trọng để phân tích, đánh giá tình hình sử dụng tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh trong doanh nghiệp, để có quyết định quản lý phù hợp. Đây là công cụ cung cấp cho lãnh đạo công ty các thông tin, dấu

hiệu chính xác về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó cung cấp được những thông tin cần thiết giúp doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư hiệu quả nhất.

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại.

Doanh thu của doanh nghiệp có vai trò hết sức quan trọng không chỉ đối với sự tồn tại và phát triển của bản thân doanh nghiệp thương mại mà còn đối với sự phát triển chung của toàn nền kinh tế thị trường đang biến động mạnh mẽ như hiện nay.

Tính đầy đủ, chính xác, nhanh chóng và kịp thời về sự biến động của doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh sẽ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp nắm được tình hình thực hiện kế toán doanh thu của đơn vị mình và xác định kết quả kinh doanh của đơn vị. Trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp định hướng, biện pháp cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ tiếp theo đạt hiệu quả cao nhất.

Đặc biệt, thông tin kế toán cung cấp về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ có ý nghĩa rất lớn đối với Nhà nước. Trên cơ sở về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu ngân sách quốc gia không bị thất thoát. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo về chính trị - an ninh - xã hội, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

Thêm vào đó, thông tin kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được cung cấp là mối quan tâm của những người có lợi ích trực tiếp liên quan đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp như các nhà đầu tư, nhà cung cấp, các tổ chức tài chính trung gian, các chủ nợ,... Đó là cơ sở để các đối tượng này nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp để kịp thời đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn, phù hợp nhất có thể.

Bởi vậy, việc tổ chức công tác kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học và hợp lý là cấp thiết và có ý nghĩa lớn trong việc

thực hiện cung cấp thông tin kinh tế kịp thời, chính xác, góp phần phát huy đầy đủ vai trò của hạch toán kế toán nói chung trong quản lý kinh tế tài chính ở đơn vị.

1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để phát huy được tốt vai trò và thực sự quản lý đặc lực kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện tốt một số yêu cầu sau:

Thứ nhất, quản lý doanh thu là quản lý quá trình bán hàng, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Yêu cầu đặt ra là phải quản lý kế hoạch và thực hiện kế hoạch tiêu thụ đối với từng thời kỳ, từng khách hàng, từng hợp đồng kinh tế.

Thứ hai, phải giám sát chặt chẽ hàng hóa tiêu thụ trên tất cả các phương diện về mặt số lượng và chất lượng.

Thứ ba, phải quản lý chặt chẽ tình hình thanh toán của khách hàng, yêu cầu thanh toán đúng hình thức và thời gian, tránh mất mát, ứ đọng vốn.

Thứ tư, tránh hiện tượng mất mát, hư hỏng, tham ô, lãng phí, kiểm tra hợp lý các khoản chi phí đồng thời phân bổ chính xác cho đúng hàng bán để xác định kết quả sản xuất kinh doanh.

Đồng thời kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải nắm vững một số nhiệm vụ cơ bản sau:

Thứ nhất, quản lý sự vận động của từng loại hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng và giá trị.

Thứ hai, phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí cho từng hoạt động trong doanh nghiệp đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

Thứ ba, phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

Thứ tư, cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình xác định kết quả kinh doanh.

1.1.4. Những khái niệm, thuật ngữ cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**1.1.4.1. Khái niệm doanh thu trong doanh nghiệp.****a. Các loại doanh thu:**

Doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu, hoặc sẽ thu được từ giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và chi phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Doanh thu thuần là tổng các khoản thu nhập mang lại từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511), doanh thu tiêu thụ nội bộ (TK 512) sau khi đã trừ các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại, giảm giá hàng bán và thuế GTGT đầu ra phải nộp Nhà nước đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

Doanh thu tiêu thụ nội bộ là toàn bộ lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán độc lập trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được liên quan tới hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán. Khoản doanh thu này bắt nguồn từ: Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng, lãi do cho vay vốn, lãi bán hàng trả chậm, lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, cổ tức và lợi nhuận được chia, chiết khấu thanh toán được hưởng, thu nhập khác có liên quan đến hoạt động tài chính.

Thu nhập khác là những khoản thu nhập mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên. Nội dung của thu nhập khác bao gồm:

Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; các khoản doanh thu khác...

b. Các khoản giảm trừ doanh thu:

Chiết khấu thương mại là số tiền bên mua được hưởng theo quy định của hợp đồng đã thỏa thuận dành cho khách hàng trong trường hợp khách hàng mua hàng với số lượng lớn trong thời gian nhất định.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp: Hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn...đã ghi trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách trả lại và bị từ chối thanh toán do các nguyên nhân sau: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách, chủng loại... đã cam kết trong hợp đồng kinh tế.

Thuế tiêu thụ đặc biệt là thuế đánh vào một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và tiêu dùng như: bia, rượu, thuốc lá, bài lá, vàng mã...

Thuế xuất khẩu là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hóa dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam theo đúng quy định.

Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: Là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

1.1.4.2. Khái niệm chi phí trong doanh nghiệp.

Chi phí là tổng chi phí các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu. Chi phí bao gồm các khoản sau:

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại, hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành (được xác định tiêu thụ) và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng bao gồm các chi phí như chi phí chào hàng, đóng gói sản phẩm, hoa hồng bán hàng, bảo hành sản phẩm...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí chung của doanh nghiệp (lương, phụ cấp, trợ cấp...). BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

Chi phí hoạt động tài chính: phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính, bao gồm: Các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, hay phát sinh khi bán ngoại tệ, chi phí đi vay và cho vay vốn...

Chi phí khác: là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thường của doanh nghiệp như: Chi phí thanh lý; giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế...

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm nhằm căn

cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

1.1.4.3. Khái niệm kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ.

Công thức xác định kết quả kinh doanh (Tổng LN kế toán trước thuế):

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh} + \text{Kết quả hoạt động tài chính} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

Trong đó:

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa Doanh thu thuần với giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí QLDN.
- **Kết quả hoạt động tài chính:** là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.
- **Kết quả hoạt động khác:** là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

1.1.5. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.

1.1.5.1. Bán hàng.

Bán hàng là quá trình các doanh nghiệp thực hiện chuyển hóa vốn sản xuất kinh doanh của mình từ hình thái hàng hóa sang hình thái tiền tệ và hình thành kết quả bán hàng, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh. Bán hàng là khâu lưu thông hàng hóa, là cầu nối trung gian giữa một bên sản xuất phân

phôi và một bên là tiêu dùng. Đặc biệt trong nền kinh tế thị trường thì bán hàng được hiểu theo nghĩa rộng hơn: “Bán hàng là quá trình kinh tế bao gồm nhiều khâu từ việc nghiên cứu thị trường, xác định nhu cầu khách hàng, tổ chức mua hàng hóa và xuất bán theo yêu cầu khách hàng nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất”.

Ý nghĩa của công tác bán hàng: Công tác bán hàng có ý nghĩa hết sức to lớn. Nó là công đoạn cuối cùng của giai đoạn tái sản xuất. Doanh nghiệp khi thực hiện tốt công tác bán hàng sẽ tạo điều kiện thu hồi vốn, bù đắp chi phí, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước thông qua việc nộp thuế, đầu tư phát triển tiếp, nâng cao đời sống người lao động trong doanh nghiệp.

1.1.5.2. Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp thương mại

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay các doanh nghiệp tùy điều kiện cụ thể của đơn vị sẽ áp dụng linh hoạt các phương thức bán hàng nhằm thúc đẩy quá trình tiêu thụ. Phương thức bán hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến việc sử dụng các tài khoản kế toán, phản ánh tình hình xuất kho hàng hóa. Đồng thời có tính chất quyết định đối với việc xác định thời điểm bán hàng và ghi nhận doanh thu, tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận. Các phương thức bán hàng mà doanh nghiệp áp dụng bao gồm:

✓ **Phương thức bán hàng trực tiếp:**

Theo phương thức này người mua đến nhận hàng tại kho doanh nghiệp bán. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chứng từ bán hàng, nếu hội tụ đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu, không kể người mua đã thanh toán hay mới chỉ chấp nhận thanh toán, số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu.

✓ **Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:**

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo các điều kiện trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp. Khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ lợi ích và rủi ro được chuyển toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hóa đã được thực hiện và thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

✓ Phương thức bán hàng gửi đại lý:

Theo phương thức này doanh nghiệp giao hàng cho sở đại lý, bên nhận đại lý sẽ trực tiếp bán hàng và phải thanh toán tiền hàng cho doanh nghiệp, và được hưởng hoa hồng. Số hàng hóa gửi đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, số hàng hóa này được xác định là tiêu thụ khi doanh nghiệp nhận được tiền do bên đại lý thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc thông báo về số hàng đã bán được, doanh nghiệp khi đó mới mất quyền sở hữu về số hàng này.

✓ Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu tiên để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng.

✓ Phương thức tiêu thụ nội bộ:

Là việc mua, bán các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, tập đoàn...

✓ Phương thức hàng đổi hàng:

Doanh nghiệp dùng hàng hóa của mình để đổi lấy những mặt hàng thiết yếu mà công ty đang có nhu cầu. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hóa tương ứng trên thị trường.

1.1.6. Các phương thức thanh toán.

Có rất nhiều phương thức thanh toán, nhưng phương thức phổ biến nhất vẫn là: Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt và thanh toán qua ngân hàng.

- **Phương thức thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt:** Là phương thức thanh toán sau khi nhận được hàng hóa, người mua sẽ tiến hành thanh toán trực tiếp cho người bán bằng tiền mặt. Phương thức này thường được áp dụng cho những hàng hóa tiêu thụ trong nước, khoảng cách địa lý gần, bán với số lượng ít, bán lẻ, các khoản chi về vận chuyển... thường được thanh toán ngay bằng tiền mặt.

- **Phương thức thanh toán qua ngân hàng:** Đối với những hợp đồng kinh tế có giá trị lớn, khoảng cách địa lý xa...thì sẽ sử dụng phương thức thanh toán thông qua ngân hàng như: Thanh toán bằng séc, thanh toán bằng ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu...

1.2. TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.

➤ **Doanh thu bán hàng:** Là tổng giá trị thực hiện được do việc bán hàng hóa cho khách hàng mang lại.

Các hàng hóa đem biếu, tặng, cho hoặc tiêu dùng ngay trong nội bộ, dùng để thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho cán bộ công nhân viên, trao đổi hàng hóa, làm phương tiện thanh toán công nợ của doanh nghiệp cũng phải được hạch toán để xác định doanh thu bán hàng.

Trong một doanh nghiệp thương mại, do hoạt động chủ yếu là hoạt động bán hàng và thu lợi nhuận nên nguồn doanh thu chủ yếu chiếm vị trí quan trọng trong một doanh nghiệp thương mại là doanh thu từ hoạt động bán hàng.

➤ **Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng:** Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong chuẩn mực kế toán số 14 ban hành theo quyết định 149/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu cho từng hoạt động kinh doanh.

- Doanh thu bán hàng được ghi theo giá hóa đơn, các khoản chiết khấu bán hàng, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại được phản ánh ở tài khoản riêng. Cuối kỳ được kết chuyển để giảm doanh thu hóa đơn.

- Doanh thu bán hàng chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện:

- 1) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- 2) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- 3) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- 4) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- 5) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➤ **Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

- Doanh thu liên quan đến giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.

- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc giao dịch đó không được coi là giao dịch tạo doanh thu và không được ghi nhận là doanh thu.

- Doanh thu (kể cả doanh thu nội bộ) phải theo dõi riêng biệt từng loại doanh thu: Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ... nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh và lập báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán đã bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu).

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế VAT (doanh nghiệp nộp thuế VAT theo phương pháp khấu trừ) thì doanh thu là giá bán chưa có VAT.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ là đối tượng không thuộc diện chịu thuế VAT hoặc nộp thuế VAT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (Giá bán có thuế).

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương pháp bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Khi doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Với trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá tiền trả ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện, phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định bằng số tiền nhận trước chia cho số năm trả tiền trước.

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, giấy báo có ngân hàng, bảng kê sao của ngân hàng, ủy nhiệm thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản...)

- Hợp đồng mua bán, biên bản bàn giao hàng hóa.

- Các chứng từ kế toán liên quan khác (Phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng bán trả lại, hóa đơn vận chuyển...).

➤ **Tài khoản kế toán sử dụng**

+/ Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này được dùng để phản ánh tổng số doanh thu bán hàng thực tế trong kỳ của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kế cấu tài khoản:

Bên nợ:

- Số thuế phải nộp (thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp) tính trên doanh thu bán hàng thực tế của hàng, dịch vụ cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và doanh thu của hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 để “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 cuối kỳ không có số dư và được chi tiết thành 6 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- + Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- + Tài khoản 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản
- + Tài khoản 5118: Doanh thu khác

+/ Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ của doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá nội bộ.

Kết cấu tài khoản:***Bên nợ:***

- Trị giá hàng bán trả lại (Theo giá tiêu thụ nội bộ), khoản giảm giá hàng bán chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ trong kỳ.
- Số thuế TTĐB, số thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp của số hàng hóa tiêu thụ nội bộ.
- Kết chuyển doanh thu nội bộ vào TK 911 để “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

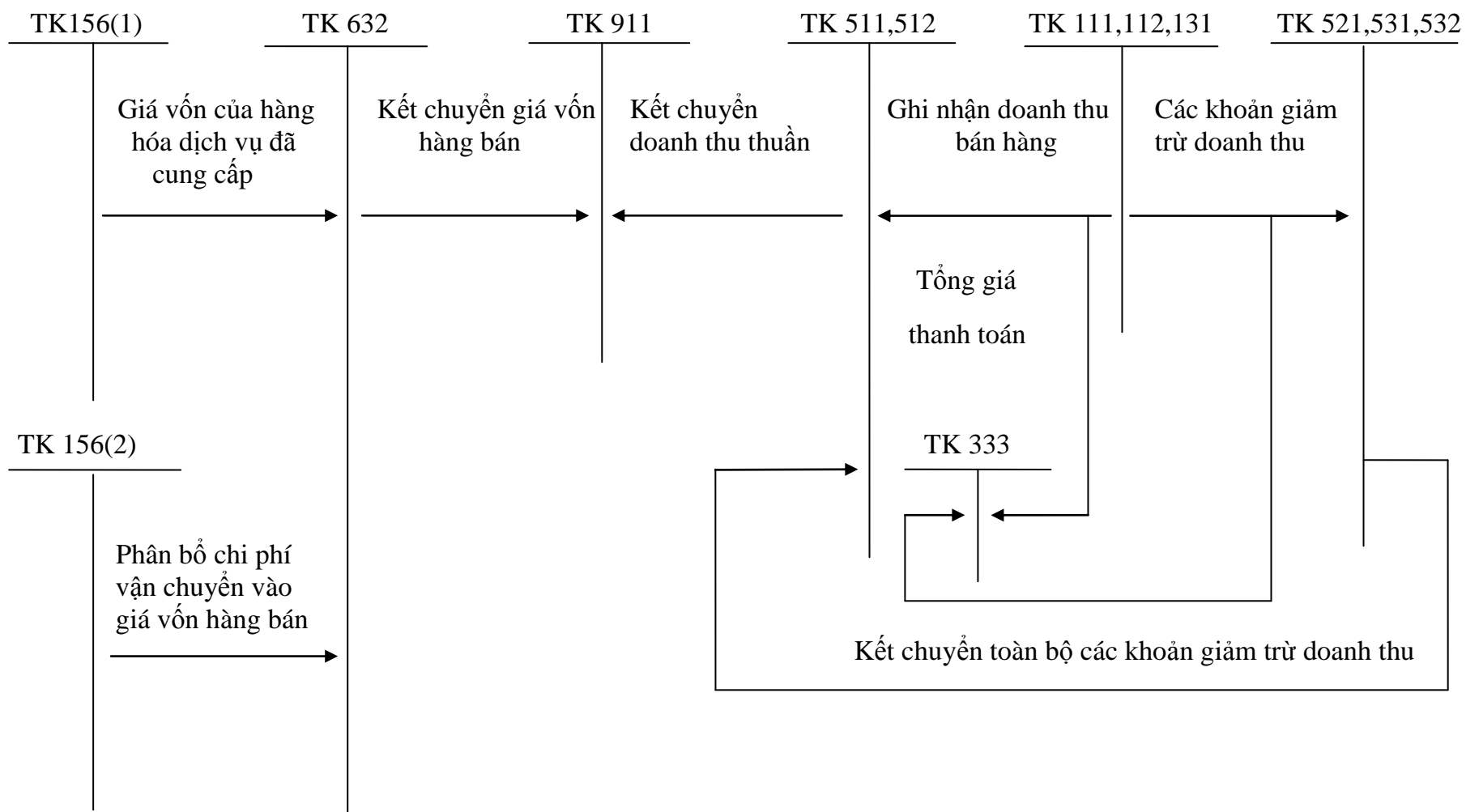
- Tổng số doanh thu tiêu thụ nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2:

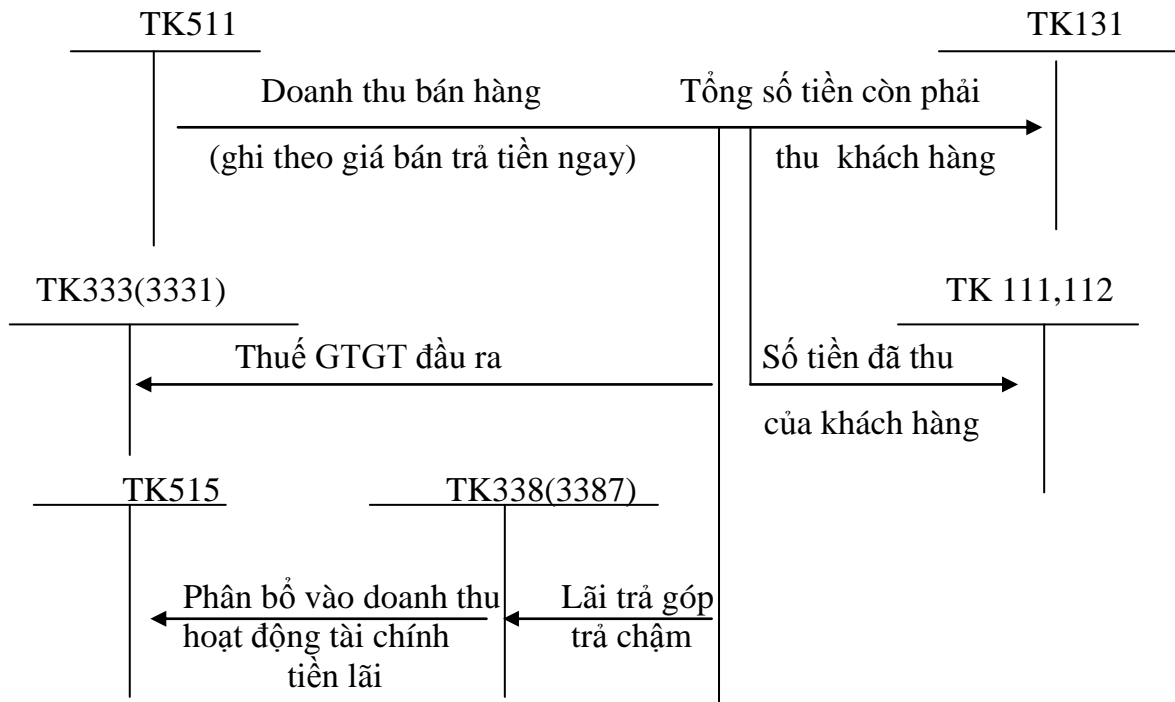
- + Tài khoản 5121: Doanh thu bán hàng hoá.
- + Tài khoản 5122: Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

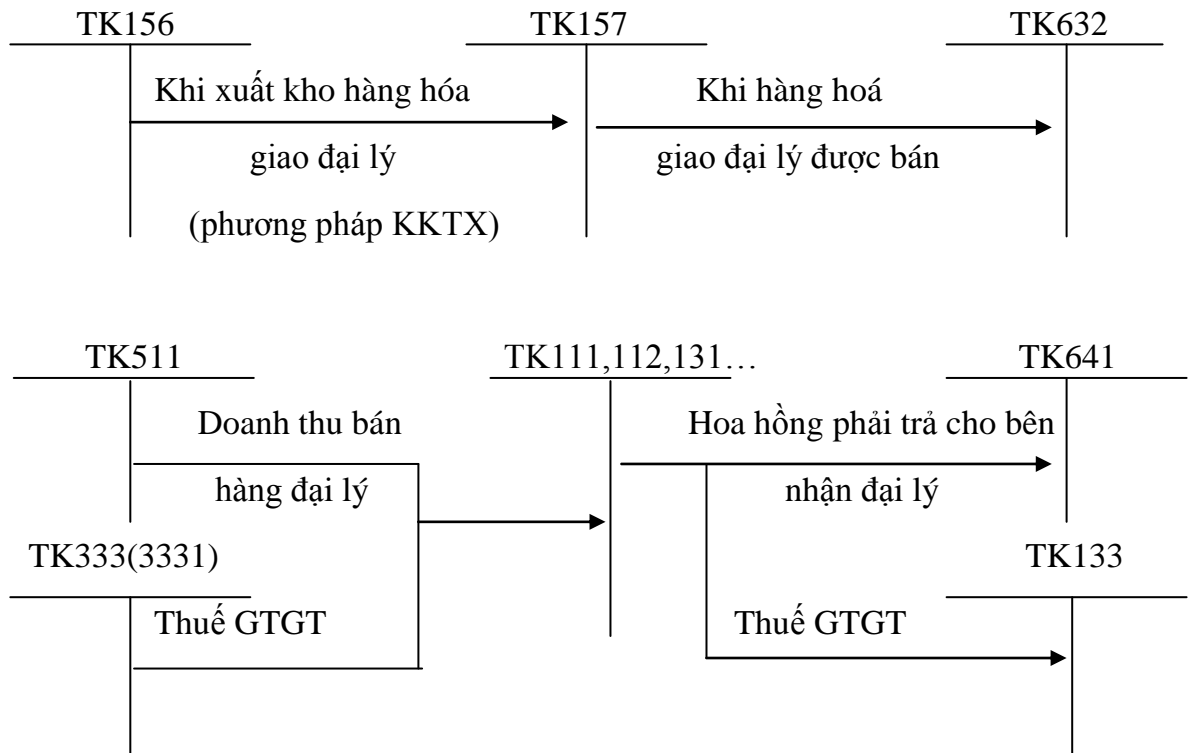
Sơ đồ 1.1 Hạch toán doanh thu theo phương thức bán trực tiếp



Sơ đồ 1.2. Hạch toán doanh thu theo phương thức bán trả góp



Sơ đồ 1.3. Hạch toán doanh thu theo phương thức bán qua đại lý
(theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)



1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu .

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản làm cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bị giảm đi như: Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế xuất nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.

➤ Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn giá trị gia tăng, hoá đơn bán hàng thông thường;
- Hợp đồng mua bán;
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo nợ của nhân hàng;
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại ...

➤ Tài khoản sử dụng:**• Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại(CKTM)**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế.

Kết cấu tài khoản: 521- Chiết khấu thương mại

Bên nợ: Số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên có: Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ khoản chiết khấu thương mại sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư và được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2:

TK 5211 – Chiết khấu hàng hóa

TK 5212 – Chiết khấu thành phẩm

TK 5213 – Chiết khấu dịch vụ

• Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá đã tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Chỉ phản ánh vào tài khoản này giá trị của số hàng đã bán bị trả lại và được tính theo đúng đơn giá bán đã ghi trên hóa đơn trước đây.

Các chi phí khác liên quan đến hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi phản ánh vào TK 641 – Chi phí bán hàng.

Kết cấu tài khoản: 531 – Hàng bán bị trả lại

Bên nợ: Trị giá của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại.

Bên có: Kết chuyển doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại trừ vào bên Nợ TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

• Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ hạch toán được người bán chấp nhận.

Kết cấu tài khoản: 532 - Giảm giá hàng bán

Bên nợ: Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên có: Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 hoặc TK 512.

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ

Ngoài ra còn các khoản giảm trừ doanh thu như:

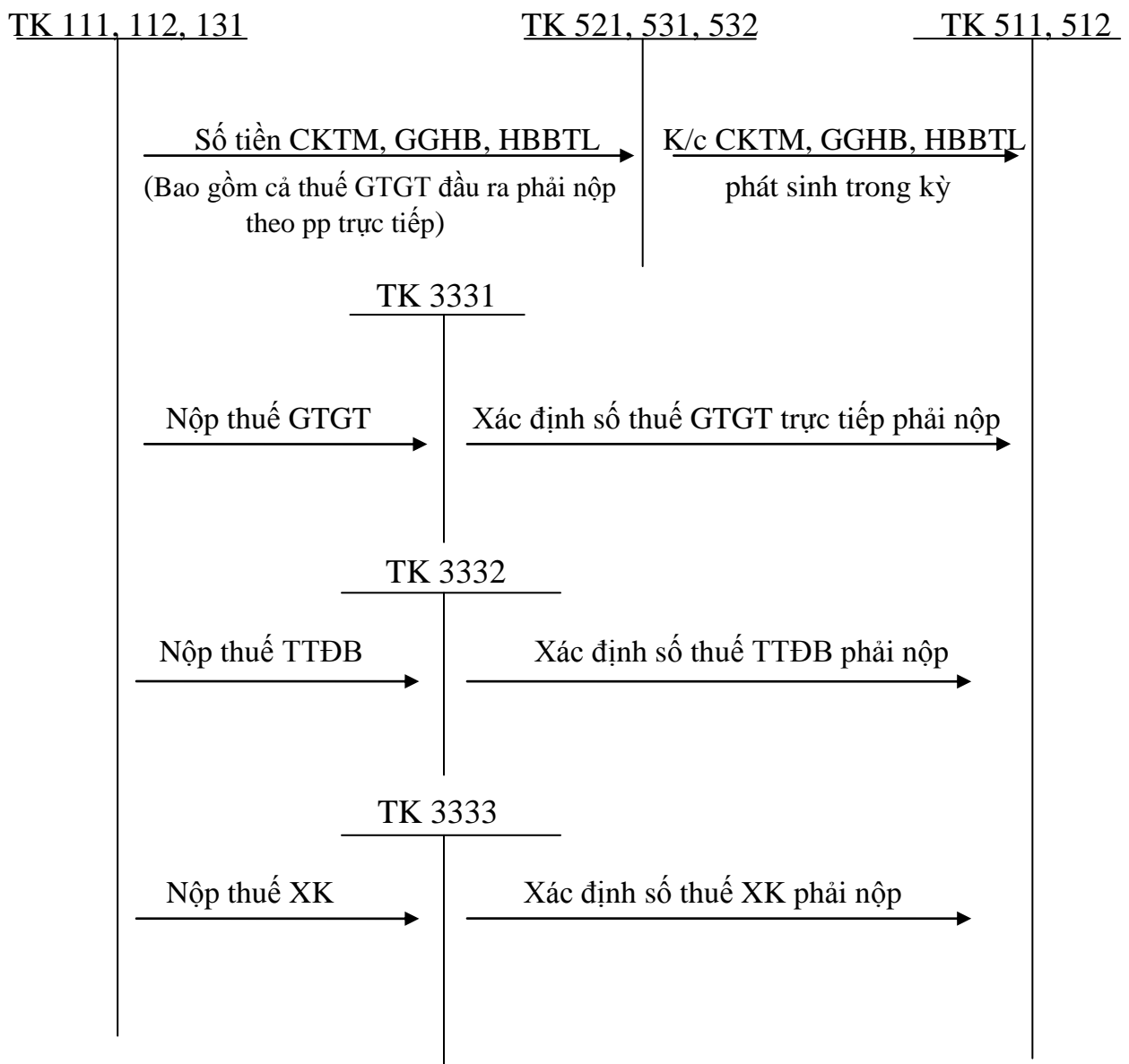
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt (TK 3332): Là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh một số mặt hàng đặc biệt mà nhà nước không khuyến khích sản xuất và tiêu dùng như: rượu, bia, thuốc là, vàng mã, bài lá...

+ Thuế xuất khẩu (TK 3333): Là một sắc thuế đánh vào tất cả hàng hóa dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

+ Thuế GTGT của DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp (TK 3331) là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

➤ **Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:**

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán tổng hợp các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

+ Đối với doanh nghiệp sản xuất: Trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành.

+ Đối với doanh nghiệp thương mại: Trị giá vốn hàng bán xuất kho để bán bao gồm trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán .

➤ **Các phương pháp xác định giá vốn của hàng xuất kho:**

• **Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)**

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Trong phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

• **Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)**

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị của hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

• **Phương pháp bình quân gia quyền**

Theo phương pháp này, trị giá của từng loại hàng hóa tồn kho được tính theo trị giá trung bình của từng loại hàng tồn kho nhân với số lượng hàng xuất kho.

$$\text{Trị giá vốn của hàng hóa xuất kho} = \text{Số lượng hàng hóa xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân}$$

+/ Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế của hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của hàng nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

+/ Nếu đơn giá bình quân được tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

- **Phương pháp thực tế đích danh**

Phương pháp này dựa trên cơ sở xuất kho hàng hóa thuộc lô hàng nào thì lấy đúng giá vốn của lô hàng đó tính giá vốn hàng xuất kho.

➤ **Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ được xác định như sau:**

$$\text{Trị giá vốn của hàng tiêu thụ trong kỳ} = \text{Trị giá mua hàng tiêu thụ trong kỳ} + \text{Chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ trong kỳ}$$

Trong đó:

$$\text{Phân bổ chi phí thu mua cho hàng tiêu thụ} = \frac{\text{Trị giá vốn của hàng bán ra trong kỳ}}{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}} * \text{Tổng chi phí thu mua của hàng tồn kho đầu kỳ cộng với nhập trong kỳ}$$

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT, hợp đồng kinh tế
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan.

➤ Tài khoản sử dụng: TK 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Kết cấu của tài khoản:**Bên nợ:**

- Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.
- Phản ánh CP nguyên vật liệu, CP nhân công vượt trên mức bình thường, CP SXC cố định không được tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.
- Phản ánh khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Phản ánh chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.

Bên có:

- Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

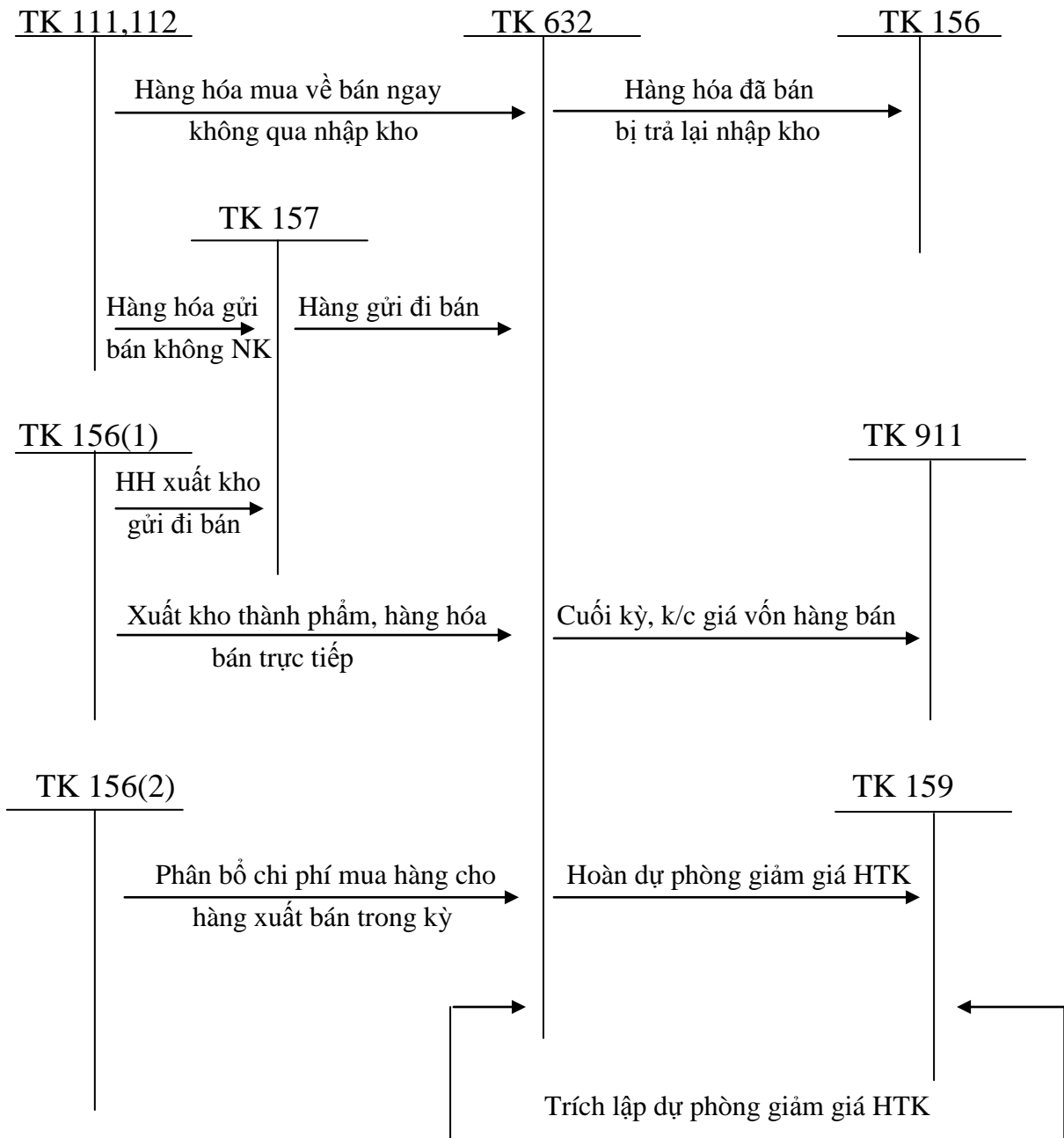
Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra, kế toán hàng tồn kho còn sử dụng các tài khoản khác liên quan như: TK 156 và TK 611, TK 631 (đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

➤ **Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán:**

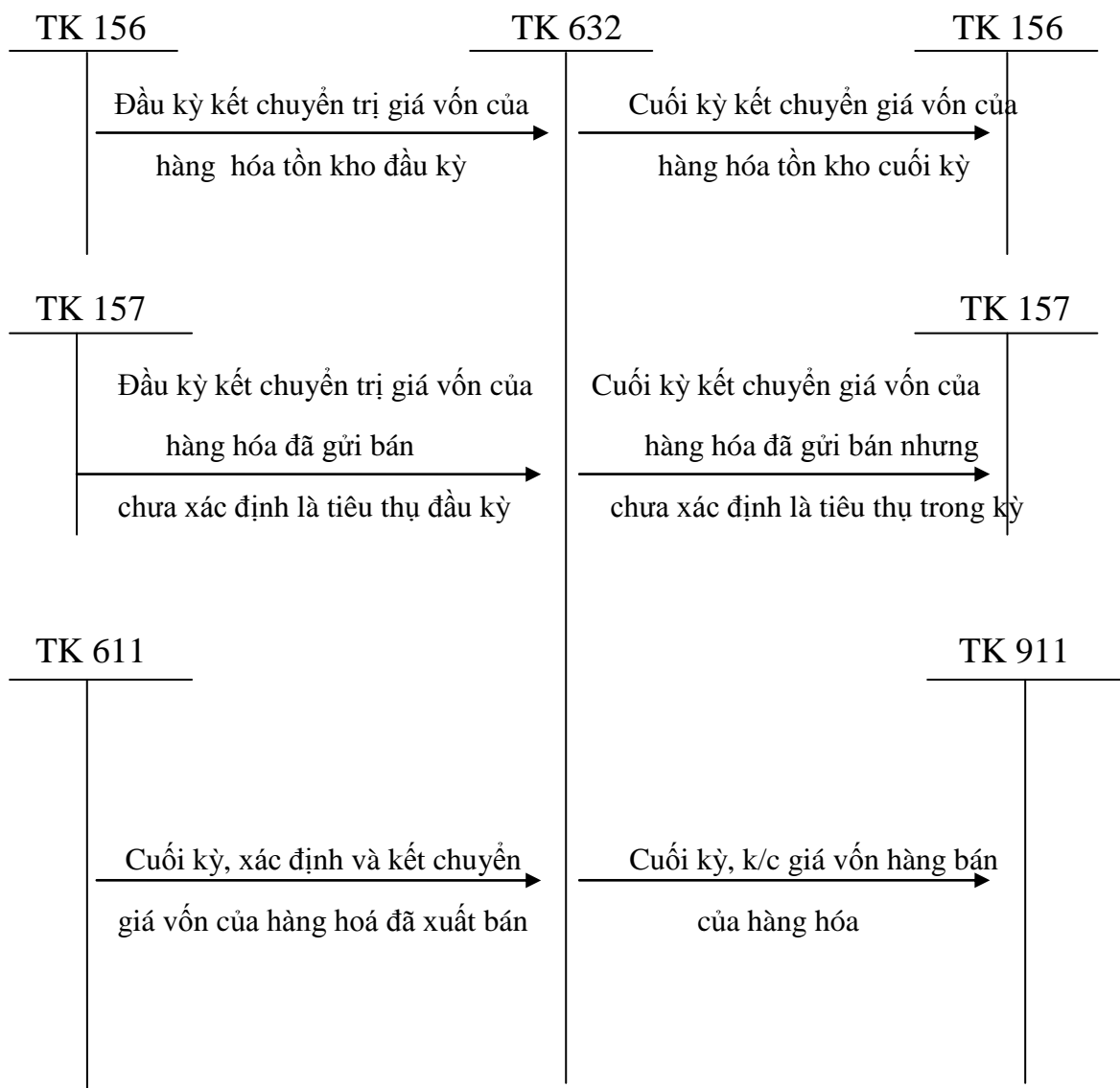
- **Phương pháp kê khai thường xuyên:** Là phương pháp theo dõi và phản ánh một cách thường xuyên, liên tục tình hình nhập xuất, tồn kho vật liệu, hàng hóa trên các loại sổ sách kế toán sau mỗi lần phát sinh nghiệp vụ mua (nhập) hoặc xuất dùng. Vì vậy, vật tư, hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Sơ đồ 1.5: Phương thức hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



• **Phương pháp kiểm kê định kỳ:** Là phương pháp kế toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phán ánh giá trị hàng tồn kho cuối kỳ vật tư, hàng hóa trên sổ kế toán và từ đó xác định được giá trị của vật liệu, hàng hóa đã xuất trong kỳ. Trong kỳ kế toán chỉ theo dõi, tính toán và ghi chép về nghiệp vụ nhập hàng hóa, còn trị giá hàng hóa xuất chỉ được xác định 1 lần vào cuối kỳ khi có kết quả kiểm kê vật liệu hiện còn cuối kỳ.

Sơ đồ 1.6: Phương thức hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.**1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.**

Chi phí bán hàng là tất cả các chi phí thực tế phát sinh trong kỳ liên quan tới hoạt động bán hàng của doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng bao gồm một số nội dung sau: Chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí bảo hành, chi phí mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

➤ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11-LĐTL);
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (Mẫu số 06-TSCĐ);
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ (Mẫu số 07-VT);
- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT-3LL);
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT);
- Giấy báo nợ của ngân hàng;
- Các chứng từ kế toán liên quan khác.

➤ Tài khoản sử dụng:

Doanh nghiệp sử dụng TK 641 để hạch toán chi phí bán hàng.

Kết cấu tài khoản 641:

Bên nợ: Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Bên có: Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ và gồm có 7 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6411: Chi phí nhân viên
- + Tài khoản 6412: Chi phí vật liệu bao bì
- + Tài khoản 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + Tài khoản 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + Tài khoản 6415: Chi phí bảo hành
- + Tài khoản 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Tài khoản 6418: Chi phí bằng tiền khác

1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm một số nội dung: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí bằng tiền khác...

➤ Chứng từ kế toán sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11-LĐTL);
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (Mẫu số 06-TSCĐ);
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ (Mẫu số 07-VT);
- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT-3LL);
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT);
- Giấy báo nợ của ngân hàng;
- Các chứng từ kế toán liên quan khác.

➤ Tài khoản kế toán sử dụng:

Doanh nghiệp sử dụng TK 642 để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết cấu của tài khoản:

Bên nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết.
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Bên có:

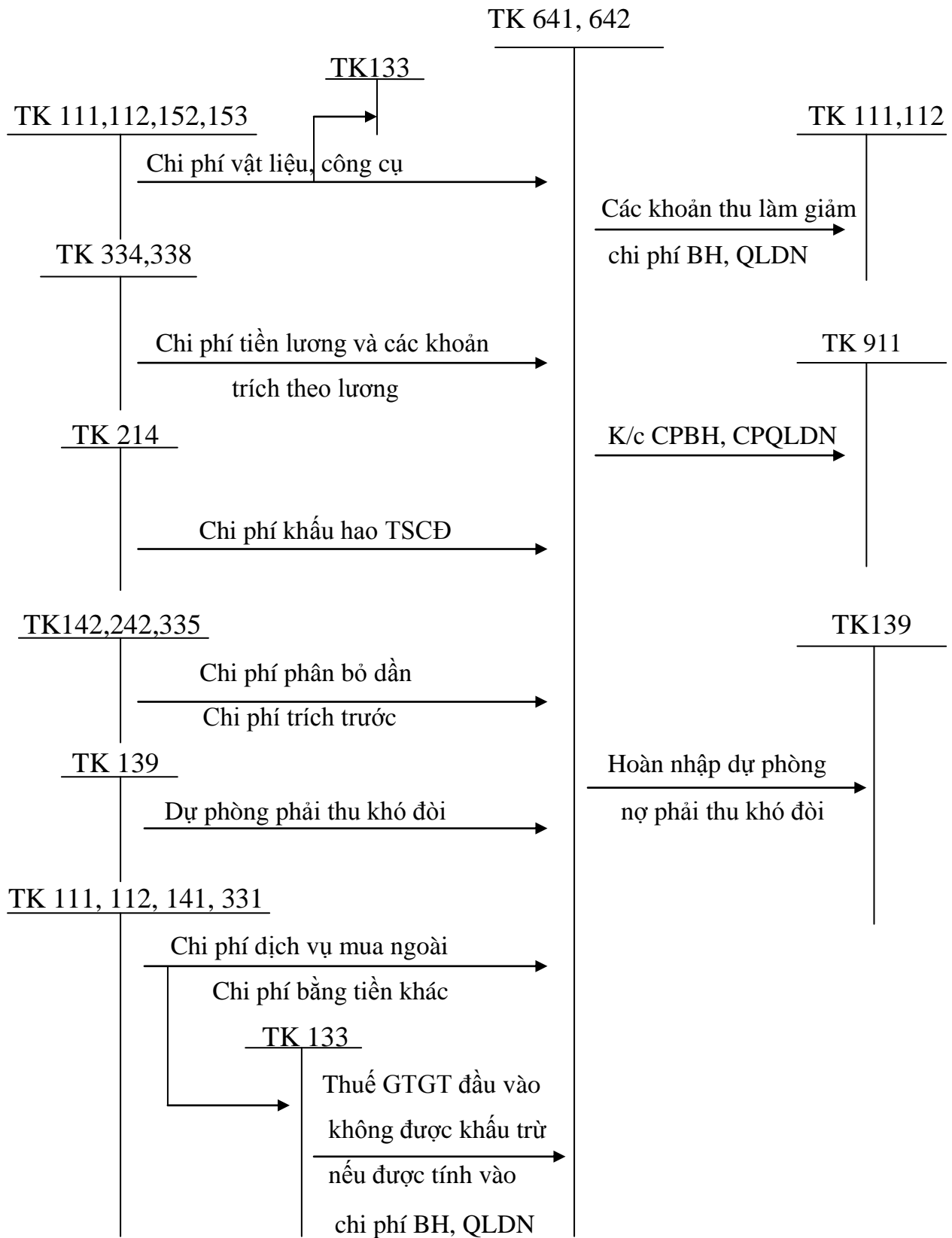
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ và gồm có 8 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- + Tài khoản 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- + Tài khoản 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + Tài khoản 6425: Thuế, phí và lệ phí
- + Tài khoản 6426: Chi phí dự phòng
- + Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Tài khoản 6428: Chi phí bằng tiền khác

➤ Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Sơ đồ 1.7: Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN



1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.**1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu từ: Tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, cổ tức lợi nhuận được chia, thu nhập từ hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán, chênh lệch do mua bán ngoại tệ...

➤ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo Có của ngân hàng
- Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT)
- Các khế ước cho vay, biên bản ghi nhận nợ
- Các chứng từ liên quan khác

➤ Tài khoản kế toán sử dụng:

TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu TK 515:**Bên nợ:**

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp nếu có.
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911.

Bên có:

- Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh của hoạt động kinh doanh, phát sinh khi bán ngoại tệ, do đánh giá lại các khoản mục có nguồn gốc ngoại tệ.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động).
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

TK 515 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.2. Kế toán chi phí tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn đầu tư tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm một số nội dung sau: Chi trả tiền lãi đi vay, lỗ từ bán chứng khoán, chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái, chiết khấu thanh toán, tiền lãi mua hàng theo hình thức trả góp.

➤ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Giấy báo Nợ của ngân hàng;
- Phiếu chi;
- Các hợp đồng vay vốn; biên bản ghi nhận nợ;
- Các chứng từ liên quan khác.

➤ Tài khoản kế toán sử dụng:

Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính

Kết cấu TK 635:

Bên nợ:

- Chi phí lãi vay, tiền mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (lỗ tỷ giá – giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên có:

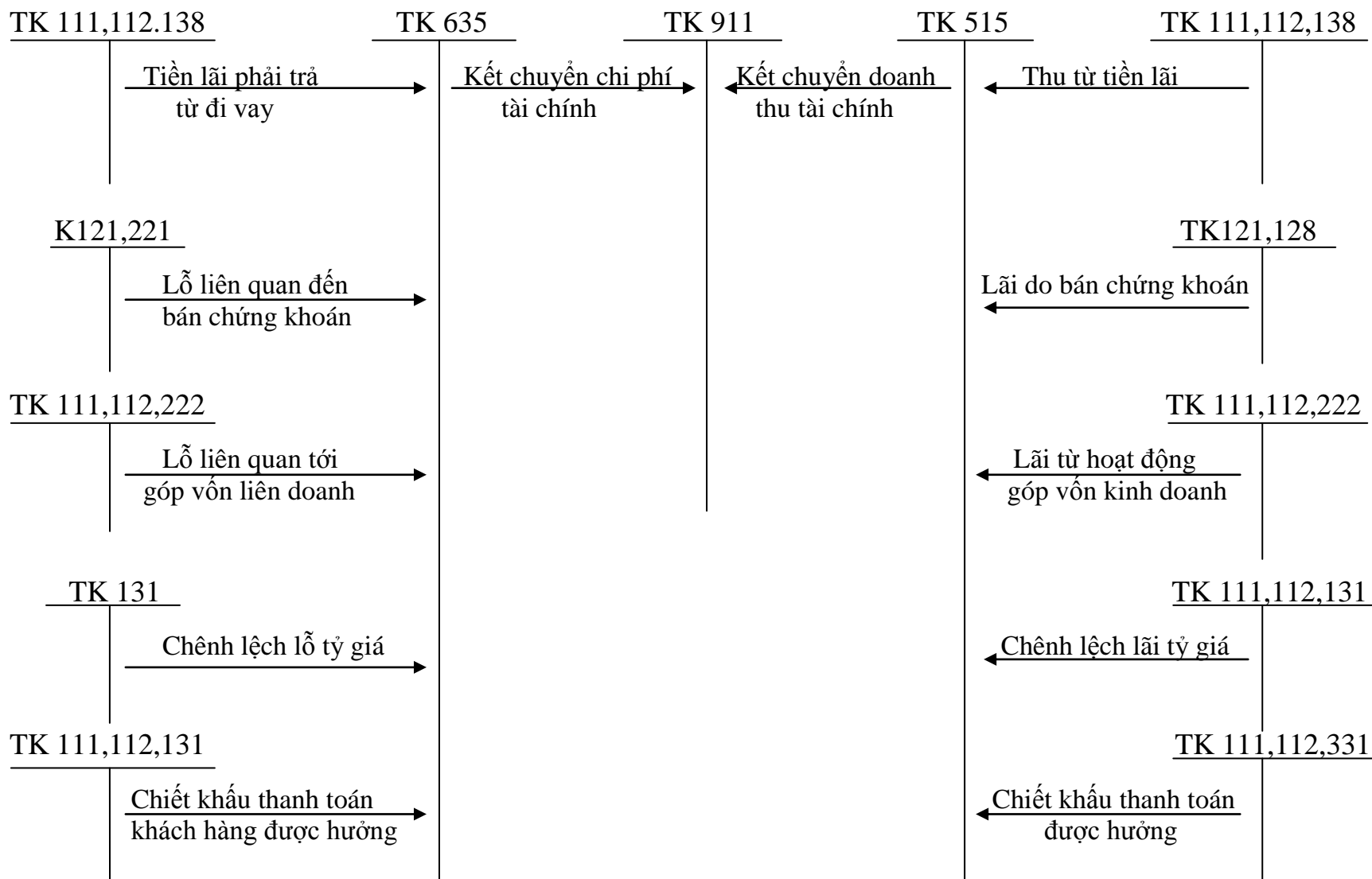
– Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).

– Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

➤ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.8. Phương pháp hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính



1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập hoạt động khác.**1.2.5.1. Kế toán thu nhập hoạt động khác.**

Thu nhập hoạt động khác là các khoản thu nhập không phải là doanh thu của doanh nghiệp, đây là khoản thu nhập được tạo ra từ các hoạt động khác ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Thu nhập hoạt động khác bao gồm một số nội dung sau: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ...

➤ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo Có của ngân hàng
- Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 – GTKT – 3LL)
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ liên quan khác.

➤ Tài khoản sử dụng : TK 711 – Thu nhập hoạt động khác

Kết cấu của TK 711:

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ như: thu nhập từ thanh lý, nhượng bán, thanh lý TSCĐ...

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.2. Kế toán chi phí khác.

Chi phí hoạt động khác là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động khác bao gồm các nội dung sau: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng...

➤ Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo Nợ của ngân hàng
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 – GTKT – 3LL)
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ liên quan khác

➤ Tài khoản sử dụng: TK 811 – Chi phí khác

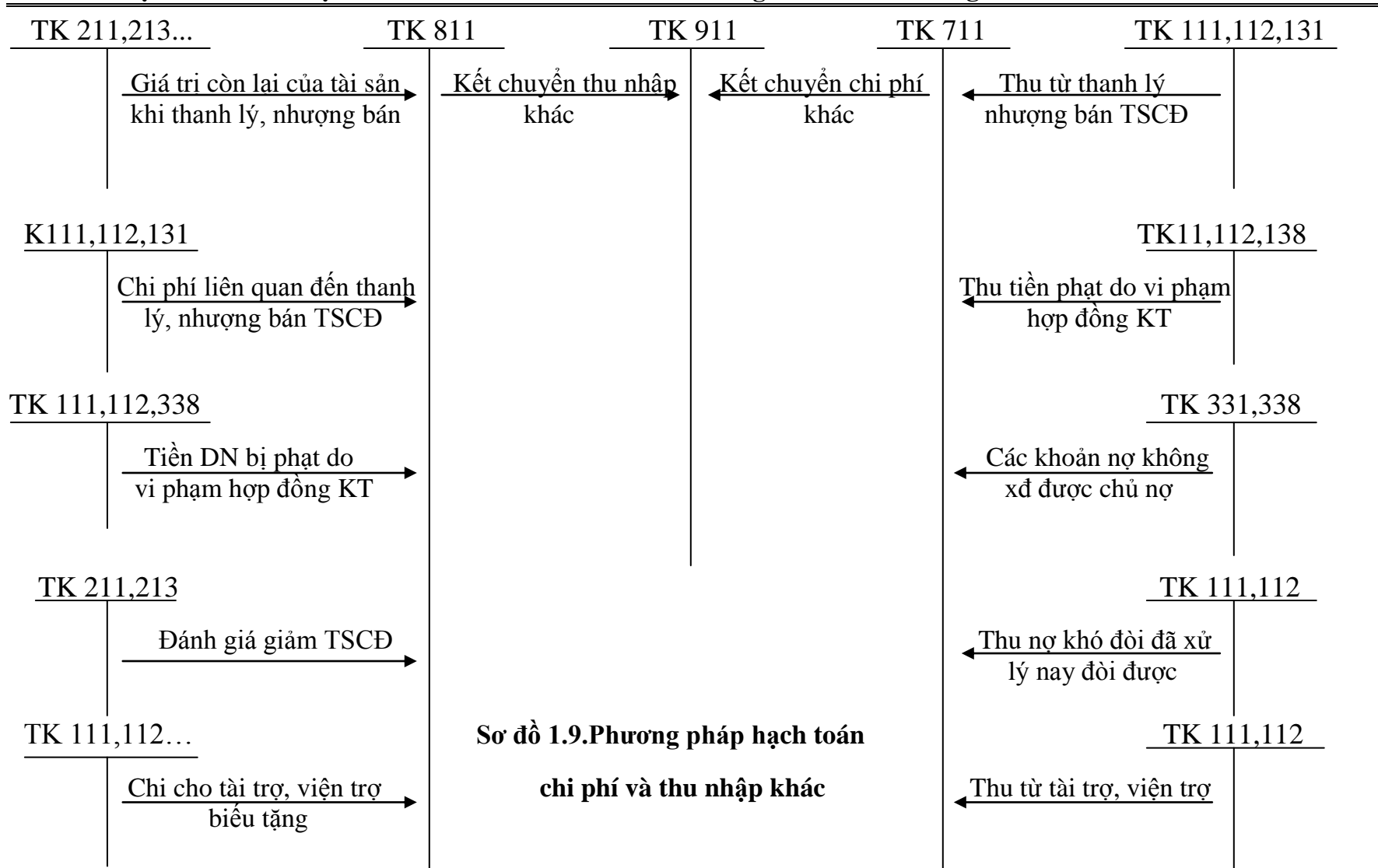
Kết cấu tài khoản:

Bên nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh.

Bên có: Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

➤ Phương pháp hạch toán



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua số tiền lãi hoặc lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

$$\text{Kết quả sản xuất kinh doanh} = \text{DT thuần từ BH và cung cấp DV} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

Trong đó:

$$\text{Doanh thu thuần từ BH và cung cấp DV} = \text{Tổng DT bán hàng và cung cấp DV} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

➤ **Chứng từ sử dụng:** Phiếu kế toán và các chứng từ khác có liên quan.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- ***TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh***

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác.
- Kết chuyển lãi.

Bên có:

- Doanh thu thuần về sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

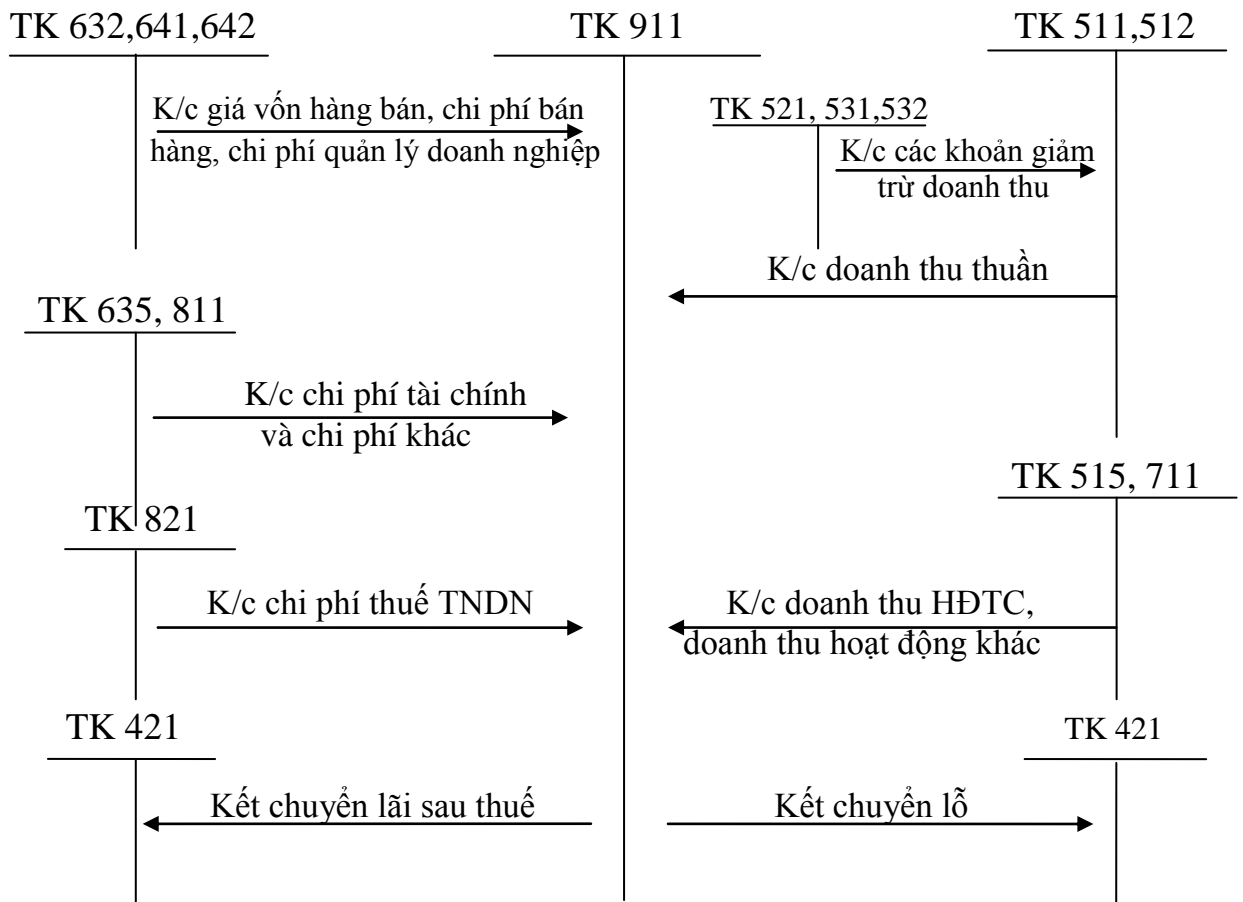
- ***Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối***

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân phối xử lý kết quả kinh doanh..

- ***Tài khoản 821 – Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN của doanh nghiệp bao gồm: Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.10: Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

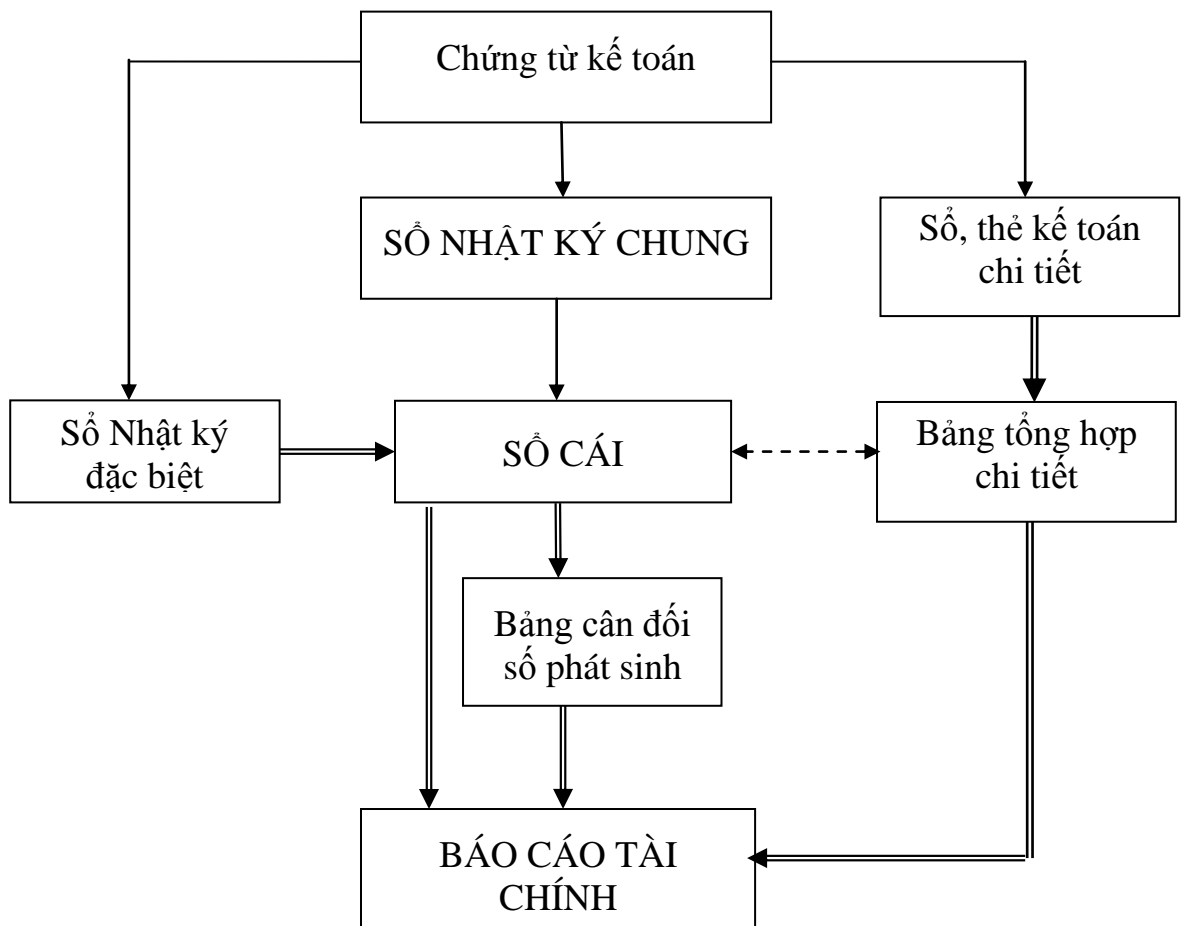
Đối với công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thì hệ thống sổ sách là rất quan trọng. Hệ thống sổ sách kế toán thường sử dụng:

- Sổ kế toán tổng hợp gồm: Sổ nhật ký – chứng từ, sổ nhật ký chung, sổ cái.
- Sổ kế toán chi tiết gồm: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa, sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán, sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết các tài khoản khác...

Các hình thức kế toán doanh nghiệp có thể áp dụng:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

Công ty đã sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung để hạch toán kế toán.

Quy trình ghi sổ Nhật ký chung:**Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý, cuối năm)
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối sổ phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

CHƯƠNG II**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH TM & DV DẦU KHÍ AN ĐẠT.****2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ ĐƠN VỊ.****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của đơn vị.**

Tên giao dịch: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG
MẠI VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ AN ĐẠT**

Người đại diện: Phạm Tiến Thành

Mã số thuế: 0200895735

Số điện thoại: 031.3457.368

Fax: 031.3457.368

Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại xăng dầu

Địa chỉ: 4C96 Trại Chuối – Hồng Bàng – Hải Phòng

Công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt được thành lập ngày 21/5/2009 theo giấy phép kinh doanh số 0203000888 của sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Quá trình xây dựng và phát triển của công ty đã đạt được kết quả nhất định và góp phần không nhỏ vào sự phát triển chung của toàn thành phố.

Công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt là công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh. Thành lập ngày 21 tháng 5 năm 2009, là một doanh nghiệp còn non trẻ, gặp không ít những khó khăn, tuy nhiên công ty đã và đang đạt được bước chuyển mình mang tính đột phá cả về mặt chất lượng cũng như quy mô.

Với việc mở rộng các ngành nghề sản xuất và kinh doanh như vậy trong những năm qua đơn vị đã tạo được mối quan hệ trong việc hợp tác kinh doanh với nhiều doanh nghiệp. Sau hai năm hoạt động kinh doanh, đơn vị đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong các lĩnh vực kinh doanh.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Công ty đã quyết định lựa chọn lĩnh vực kinh doanh thương mại xăng dầu nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của nhà máy, xí nghiệp trong hoạt động sản xuất. Hoạt động kinh doanh trong dòng xoáy cạnh tranh của thị trường, đi kèm với những cơ hội là những thử thách của một sân chơi lớn mở ra cho các doanh nghiệp. Công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt đã và đang xây dựng cho mình một chỗ đứng vững bền trong xu thế ấy.

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, nên hàng hóa của công ty bao gồm: Xăng A92, Xăng A95, Dầu diesel, Dầu Cirkan C46...

Trải qua 3 năm xây dựng và phát triển, công ty đã đạt được những kết quả nhất định trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Suốt thời gian đó, bên cạnh những thuận lợi công ty không gặp không ít những khó khăn.

*** Thuận lợi:**

Cùng với sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa của đất nước, Hải Phòng đã và đang phát triển hòa nhập cùng dòng chảy ấy với nhiều xí nghiệp, công ty ra đời đáp ứng nhu cầu thị trường: Cung cấp xăng dầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp, nhà máy, công ty.

Công ty đã xây dựng tốt bộ máy quản lý và tuyển dụng đào tạo, đội ngũ lao động có trình độ, chuyên môn. Ban lãnh đạo công ty giàu kinh nghiệm, biết khai thác và phát huy năng lực của cán bộ công nhân viên.

Doanh nghiệp đã khai thác, tận dụng lợi thế của mình để tăng nguồn vốn. Doanh nghiệp luôn gương mẫu và ưu tiên hàng đầu cho Ngân sách Nhà nước và thu nhập của cán bộ, công nhân viên.

*** Khó khăn**

Bên cạnh những thuận lợi trên, công ty cũng gặp không ít những khó khăn. Là một công ty mới thành lập, lại trên địa bàn có rất nhiều doanh nghiệp cùng kinh doanh trên lĩnh vực này, do đó đối thủ cạnh tranh tương đối lớn mạnh đòi hỏi doanh nghiệp cần phải làm tốt công tác thị trường và dịch vụ chăm sóc khách hàng để thu hút khách hàng.

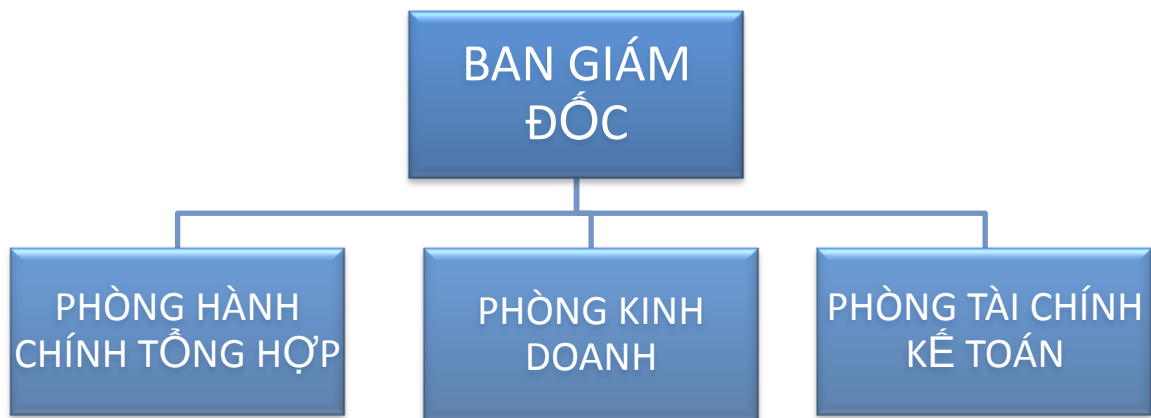
Xăng dầu tiêu thụ trong nước hiện nay chủ yếu phải nhập khẩu, giá trong nước phụ thuộc vào sự biến động của giá cả thị trường thế giới. Hiện nay do sự bất ổn về chính trị của các nước Trung Đông và Bắc Phi đã làm cho giá xăng dầu trên thế giới biến động mạnh và thị trường xăng dầu ở Việt Nam phải có hướng điều chỉnh thích hợp. Điều này không chỉ tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các nhà máy, xí nghiệp mà còn ảnh hưởng đến đời sống của đông đảo người dân. Đây là khó khăn lớn nhất mà công ty đang phải đối mặt.

Hiện nay tình trạng xăng, dầu không đảm bảo chất lượng xảy ra ở nhiều nơi, điều này không những làm ảnh hưởng đến niềm tin của khách hàng mà còn ảnh hưởng đến uy tín của công ty.

Trong giai đoạn hiện nay, ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên công ty luôn cố gắng nỗ lực khắc phục khó khăn, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.1.3. Cơ cấu bộ máy quản lý của đơn vị.

Tổ chức bộ máy quản lý của công ty có vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp tạo nên sự thống nhất nhịp nhàng giữa các bộ phận, đơn vị trong doanh nghiệp. Đảm bảo cho việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, chỉ đạo và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý:**Sơ đồ 2.1.1. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH TM & DV
dầu khí An Đạt**

* Căn cứ vào quy trình tình hình thực tế của Công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt tổ chức bộ máy kinh doanh gồm có:

- Giám đốc: Có nhiệm vụ điều hành mọi hoạt động của công ty, đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật.
- Phòng hành chính tổng hợp: Quản lý, tuyển chọn cán bộ công nhân viên có năng lực, tay nghề. Bảo quản lưu trữ con dấu, giấy tờ và công văn của công ty, cung cấp các thiết bị văn phòng, chịu trách nhiệm đối nội, đối ngoại.
- Phòng tài chính – kế toán: Có trách nhiệm thu thập, xử lý thông tin kế toán, tổng hợp số liệu lập, báo cáo tài chính, chịu trách nhiệm về tính chính xác của báo cáo tài chính. Đồng thời còn tham mưu đặc lực cho giám đốc thông qua tình hình tài chính.
- Phòng kinh doanh: Làm tham mưu cho giám đốc thiết lập các kế hoạch về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng phương án kinh doanh, soạn thảo hợp đồng kinh tế.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt.**2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.**

Công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, theo mô hình này doanh nghiệp chỉ có 1 phòng kế toán duy nhất, phòng kế toán thực hiện toàn bộ công tác kế toán từ việc lập chứng từ, ghi sổ kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp đến lập báo cáo kế toán.

*** Phòng kế toán công ty bao gồm:**

- **Kế toán trưởng:** Tổ chức điều hành công việc chung của phòng kế toán, đồng thời làm công việc của kế toán tổng hợp, theo dõi toàn bộ sổ cái, sổ Nhật ký chung, tính lương, tính các khoản nộp ngân sách Nhà nước. Sau đó lập báo cáo tài chính và trực tiếp báo cáo những thông tin kinh tế với nhà nước và các cơ quan chức năng, tham mưu cho giám đốc về tình hình tài chính của công ty.

- **Kế toán công nợ:** Theo dõi thanh toán thu chi, công nợ và các thủ tục thanh toán trong công ty.

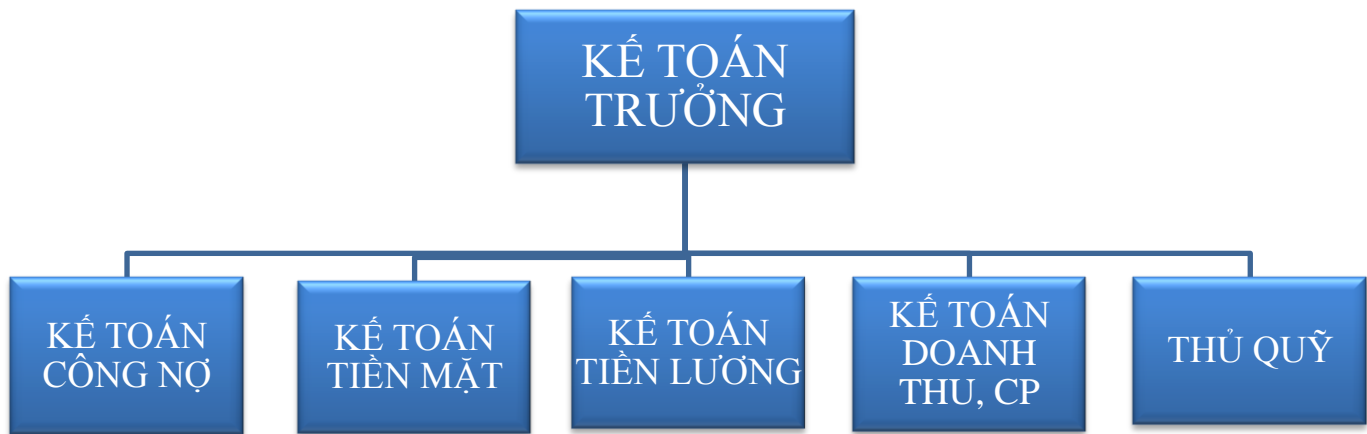
- **Kế toán vốn bằng tiền, kê khai thuế:** Theo dõi sự biến động về tình hình tăng giảm tiền mặt trong quỹ và tiền gửi ngân hàng. Tính toán chính xác, kịp thời vốn bằng tiền để cung cấp thông tin cho nhà quản lý để đưa ra những quyết định cần thiết. Kê khai thuế, kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp của các hóa đơn chứng từ, theo dõi thuế GTGT đầu vào, đầu ra của đơn vị. Lập tờ khai thuế hàng tháng báo cáo cục thuế Hải Phòng, lập báo cáo thuế GTGT, báo cáo quyết toán thuế TNDN (báo cáo năm)...

- **Kế toán tiền lương và kế toán kho:** Chăm công để tính thu nhập cho từng công nhân viên trong Công ty; lập bảng thanh toán tiền lương cho từng bộ phận, phòng ban trong Công ty; tính và trích các khoản phải nộp theo lương. Theo dõi và tập hợp hàng hóa phát sinh trong quá trình bán hàng và mua hàng, lập và báo cáo về tình hình nhập xuất hàng hóa.

- **Kế toán doanh thu, chi phí:** tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- **Thủ quỹ:** Phụ trách quản lý tài chính, theo dõi thu chi tiền mặt và bảo quản tiền mặt trong công ty. Bảo quản, lưu trữ các chứng từ gốc, cung cấp dữ liệu cho kế toán thanh toán ghi sổ.

Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán:



**Sơ đồ 2.1.2. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH TM & DV
đầu khí An Đạt**

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

+/ Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12.

+/ Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

+/ Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.

+/ Hình thức sổ kế toán áp dụng: **Sổ nhật ký chung.**

+/ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

+/ Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

+/ Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.

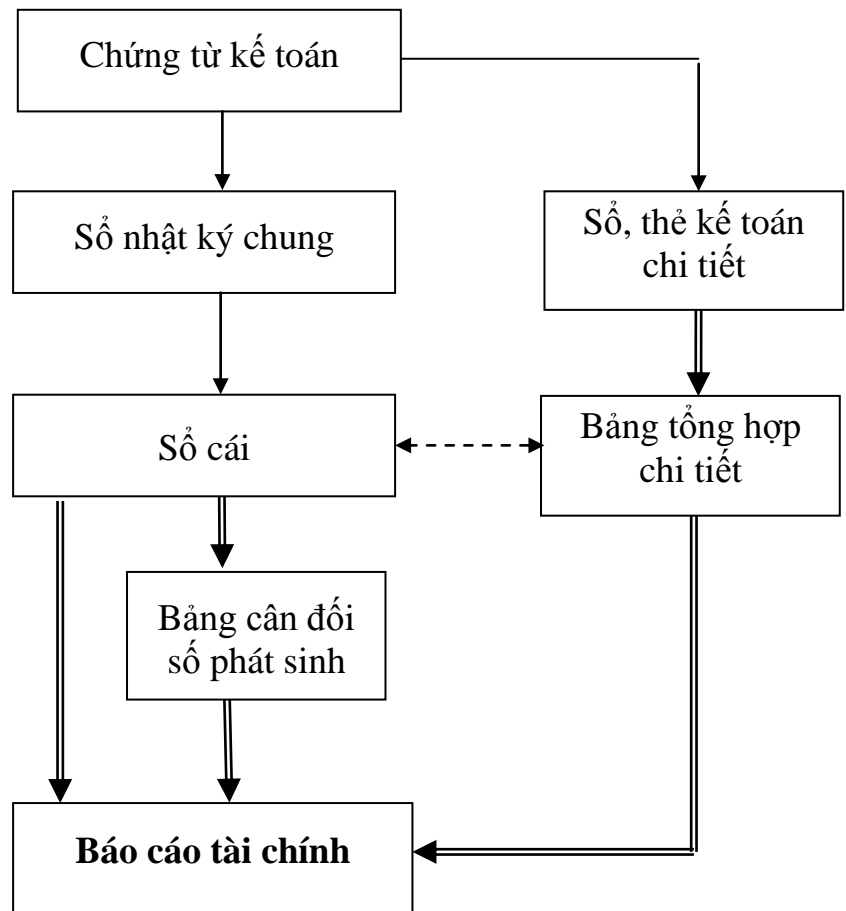
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán.

– Hệ thống chứng từ: Đơn vị vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.

– Hệ thống tài khoản: Đơn vị vận dụng hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính.

2.1.4.4. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại đơn vị.

Trình tự ghi sổ kế toán của công ty thể hiện theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý, cuối năm)
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 2.1.3. Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty TM &CP dầu khí An Đạt

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp và tính chính xác của các nghiệp vụ đó vào Nhật ký chung. Căn cứ số liệu ghi trên Nhật ký chung, kế toán phản ánh vào sổ cái tài khoản có liên quan.

- Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào các sổ chi tiết các tài khoản.

- Cuối kỳ tổng hợp số liệu từ sổ chi tiết làm căn cứ lập sổ tổng hợp chi tiết.

- Cùng với đó, tại thời điểm cuối kỳ, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối tài khoản.

- Để đảm bảo tính chính xác của số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu, khớp số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết.

- Cuối kỳ, kế toán cân đối tài khoản làm căn cứ để lập báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung đó là: Tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng Cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

➤ ***Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính:***

- Bảng cân đối kế toán (mẫu sổ B01 – DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (mẫu sổ B02 – DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu sổ B03 – DN)
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu sổ B09 – DN)

Ngoài ra kế toán còn lập thêm các báo cáo khác như: Bảng cân đối SPS, báo cáo thuế...

2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI ĐƠN VỊ.**2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.****2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm và phương thức bán hàng.****➤ Đặc điểm sản phẩm:**

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, nên hàng hóa của công ty bao gồm: Xăng A92, Xăng A95, Dầu diesel, Dầu Cirkon C46.

+ Xăng A92: Có màu xanh, chiết xuất từ dầu mỏ, là hợp chất của cacbon và hidro, có chỉ số Octan = 92, dạng lỏng, rất nhẹ, dễ hóa thành hơi, thường được sử dụng cho các động cơ xe máy có chỉ số nén từ 7:1 đến 10:1.

+ Xăng A95: Có màu vàng, là hợp chất của cacbon và hidro, dạng lỏng, rất nhẹ, dễ hóa hơi, thường sử dụng cho các động cơ xe máy có chỉ số nén từ 9:1 đến 11:1.

+ Dầu Diesel: Là sản phẩm tinh chế từ dầu mỏ có thành phần chung cất nằm giữa dầu hỏa (keosene) và dầu bôi trơn (lubricating oil), dạng lỏng, nhiệt độ bốc hơi từ 175 đến 370 độ C, thường được sử dụng cho các động cơ xe ô-tô.

+ Dầu Cirkon C46 : bề ngoài gần như trong suốt, chiết suất từ dầu mỏ, có chỉ số độ nhớt tự nhiên cao, dạng lỏng, thường được sử dụng để bôi trơn các khớp.

➤ **Công ty có 1 phương thức bán hàng:** Bán trực tiếp cho các công ty, xí nghiệp.

* **Công ty có các đối tác cung cấp hàng hóa chính:**

+ Công ty cổ phần thương mại Gia Trang.

+ Công ty TNHH đầu tư & thương mại Vũ Trần.

+ Công ty TNHH Cường Huy.

2.2.1.2. Kế toán doanh thu bán hàng và ng cấp dịch vụ tại đơn vị.**➤ Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01 – GTKT – 3LL):
 - Liên 1 (màu tím): Lưu
 - Liên 2 (màu đỏ): Giao khách hàng
 - Liên 3 (màu xanh): Lưu nội bộ
- Phiếu thu (mẫu số 01 – TT)
- Giấy báo có
- Hợp đồng mua bán hàng hóa
- Các chứng từ khác có liên quan.

➤ Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa và xác định kết quả kinh doanh, Công ty đã thực hiện theo đúng chế độ kế toán. Các tài khoản được sử dụng trong hạch toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh trong Công ty:

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

TK 51111: Xăng A92

TK 51112: Xăng A95

TK 51113: Dầu diesel

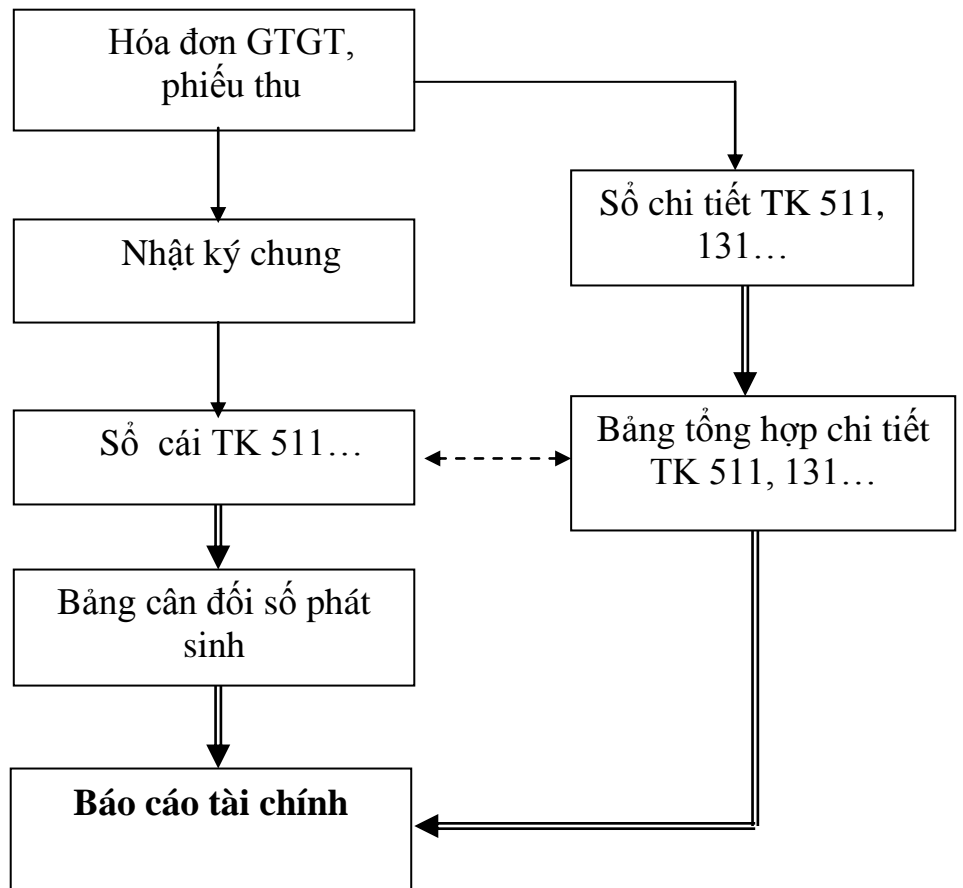
TK 51114: Dầu Cirkan C46

- TK 131: Phải thu khách hàng
- TK 111: Tiền mặt
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 333: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

➤ **Hệ thống sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết phải thu khách hàng;
- Bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng;
- Sổ Nhật ký chung;
- Sổ cái TK 131, 511...

➤ **Trình tự luân chuyển chứng từ:**



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ
- - - - -> So sánh, đối chiếu

Căn cứ vào Hợp đồng mua bán hàng hóa, Hóa đơn GTGT, Phiếu thu và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào các sổ chi tiết như sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết thanh toán với người mua. Sau đó, từ số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào sổ cái TK 511, 131, 333. Cuối kỳ, từ Sổ chi tiết bán hàng, Sổ chi tiết thanh toán với người mua kế toán phản ánh vào Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng, Bảng tổng hợp phải thu khách hàng.

Cuối kỳ, Từ sổ cái TK được sử dụng lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

VÍ DỤ 5: Ngày 06/12 xuất 50.000 lít dầu diesel bán cho Công ty cổ phần vật tư thương mại Thành Công, giá bán 12.964 đồng/lít (chưa VAT 10%), LPXD 500đồng/lít, công ty CP vật tư thương mại Vĩnh Phúc chưa thanh toán.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0055463 (Biểu số 2.1.1) và các chứng từ khác liên quan, kế toán phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào các sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 131	: 738.020.000
Có TK 511	: 648.200.000
Có TK 333	: 64.820.000
Có TK 138	: 25.000.000

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.1.2), đồng thời ghi vào Sổ chi tiết bán hàng (Biểu số 2.1.3), Sổ chi tiết phải thu khách hàng (Biểu số 2.1.4)

Căn cứ số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (Biểu 2.1.5) và Sổ cái TK 131, 333, 138.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ chi tiết TK 511, TK 131 lần lượt lập Bảng tổng hợp chi tiết TK 511 (Biểu số 2.1.6), bảng tổng hợp chi tiết TK 131 (Biểu số 2.1.7).

Từ sổ cái TK được sử dụng lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Lưu nội bộ Ngày 06 tháng 12 năm 2011				Mẫu số : 01 GTKT3/001 Ký hiệu : AA/11P Số: 0055463	
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH TM & CP DẦU KHÍ AN ĐẠT Mã số thuế: 0200895735 Địa chỉ : 4C96 Trại Chuối – Hồng Bàng – Hải Phòng ĐT: 031.3457.368 Fax: 031.457.368 Số tài khoản: 0200895735 Ngân hàng Công thương VN					
Họ tên người mua hàng: Công ty cổ phần vật tư thương mại Thành Công Địa chỉ : Thổ Tang – Vĩnh Trường – Vĩnh Phúc Số tài khoản: Hình thức thanh toán : CK MS: 2500236039					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dầu Diesel	Lít	50.000	12.964	648.200.000
	LPXD				25.000.000
Cộng tiền hàng					648.200.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT					64.820.000
Tổng cộng tiền thanh toán					738.020.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy trăm ba mươi tám triệu không trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

Biểu 2.1.1. Hóa đơn GTGT

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
02/12	GBC 86/N _o	02/12	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	112 111	400.000.000	400.000.000
02/12	UNC 79/VT	02/12	Thanh toán tiền hàng cho công ty CP thương mại Gia Trang	331 112	365.000.000	365.000.000
03/12	PT 25/12	03/12	Thu tiền khách hàng trả	111 131	125.000.000	125.000.000
.....					
06/12	HD 005546 3	06/12	Xuất bán dầu diesel cho công ty CP vật tư thương mại Thành Công	131 511 333 138	738.020.000	648.200.000 64.820.000 25.000.000
06/12	PX 27/12	06/12	Giá vốn hàng bán	632 156	635.450.000	635.450.000
.....
			Cộng tổng số phát sinh		278.487.956.692	278.487.956.692

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.1.2. Sổ nhật ký chung

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng – TK 131
Đối tượng: **Công ty CP vật tư thương mại Thành Công**
Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				113.873.764	
			Số phát sinh					
							
06/12	HĐ 0055463	06/12	Xuất bán dầu diesel cho công ty CP vật tư thương mại Thành Công	511	648.200.000		724.479.460	
				333	64.820.000		789.299.460	
				138	25.000.000		814.299.460	
10/12	GBC 342	10/12	Công ty CP vật tư thương mại Thành Công trả nợ tiền hàng	112		300.000.000	514.299.460	
15/12	HĐ 0055479	15/12	Xuất bán dầu Diesel cho công ty CP vật tư thương mại Thành Công	511	125.819.190		640.118.650	
				333	12.581.919		652.700.569	
				1388	3.500.000		656.200.569	
							
			Cộng số phát sinh		4.092.245.686	3.988.000.000		
			Số dư cuối kỳ				218.119.450	

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Biểu 2.1.3: Sổ chi tiết Phải thu khách hàng.

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên hàng hóa: Dầu Diesel – 51113

Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu				Các khoản giảm trừ	
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác (521,531,532)
						Nợ	Có		
								
HD 0055462	05/12	Xuất bán dầu Diesel cho cty TNHH T&T	131	12.150	12.964		157.512.600		
HD 0055463	06/12	Xuất bán dầu Diesel cho cty CP vật tư thương mại Thành Công	131	50.000	12.964		648.200.000		
HD 0055464	07/12	Xuất bán dầu Diesel cho cty TNHH Duy Tiến	131	5.500	12.964		71.302.000		
								
		Cộng				7.465.037.830	7.465.037.830		

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.1.4. Sổ chi tiết doanh thu bán hàng

SỔ CÁI

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng

Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
					
05/12	HĐ 0055462	05/12	Xuất bán dầu Diesel cho cty TNHH T&T	131		157.512.600
06/12	HĐ 005546 3	06/12	Xuất bán dầu Diesel cho cty CP vật tư thương mại Thành Công	131		648.200.000
07/12	HĐ 005546 4	07/12	Xuất bán dầu Diesel cty TNHH Duy Tiến	131		71.302.000
07/12	HĐ 005546 5	07/12	Xuất bán xăng A92 cho công ty CP Vĩnh Phúc	131		286.611.041
					
31/12	PKT 12.14	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	31.878.844.364	
			Cộng số phát sinh		31.878.844.364	31.878.844.364
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.1.5. Sổ cái doanh thu bán hàng

SỔ CÁI

Tài khoản 131 – Phải thu của khách hàng

Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>710.206.764</u>	
			Số phát sinh trong kỳ			
					
05/12	HĐ 0055462	05/12	Xuất bán dầu Diesel cty TNHH T&T	511 333 138	157.512.600 15.751.260 6.075.000	
06/12	HĐ 0055463	06/12	Xuất bán dầu Diesel cho cty CP vật tư thương mại Thành Công	511 333 138	648.200.000 64.820.000 25.000.000	
07/12	HĐ 0055464	07/12	Xuất bán dầu Diesel cty TNHH Duy Tiến	511 333 138	71.302.000 7.130.200 2.750.000	
07/12	HĐ 0055465	07/12	Công ty TNHH T&T trả nợ tiền hàng	131		150.000.000
					
			Cộng số phát sinh		23.886.857.866	23.504.800.00 0
			Số dư cuối kỳ		<u>1.092.264.630</u>	

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.1.6. Sổ cái phải thu của khách hàng

CÔNG TY TNHH TM & DV DẦU KHÍ AN ĐẠT
4C96 Trại Chuối, Hồng Bàng, Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 511

Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên hàng hóa	SHTK	Phát sinh trong kỳ	
			Nợ	Có
01	Xăng A92	51111	10.703.564.918	10.703.564.918
02	Xăng A95	51112	9.847.426.924	9.847.426.924
03	Dầu Diesel	51113	7.465.037.830	7.465.037.830
04	Dầu Cirkan	51114	3.862.814.692	3.862.814.692
	Tổng		31.878.844.364	31.878.844.364

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.1.7. Sổ tổng hợp chi tiết doanh thu bán hàng

CÔNG TY TNHH TM & DV DẦU KHÍ AN ĐẠT
4C96 Trại Chuối, Hồng Bàng, Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 131

Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên khách hàng	Dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
01	Công ty CP vật tư thương mại Thành Công	113.873.764		2.046.122.843	1.994.000.000	165.996.607	
02	Công ty TNHH T&T	96.748.381		1.157.294.623	1.100.000.000	154.043.004	
03	Công ty TNHH Duy Tiến	39.972.231		220.041.600	250.000.000	10.013.431	
04	Công ty CP Vĩnh Phúc	12.750.958		790.457.912	750.000.000	53.208.970	
						
	Tổng	1.250.206.764	540.000.000	23.886.857.866	23.504.800.000	1.650.264.630	558.000.000

Ngày ... tháng... năm...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.1.8. Sổ tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán**➤ Phương pháp tính giá hàng xuất kho.**

Công ty áp dụng phương pháp tính trị giá hàng thực tế xuất kho trong kỳ theo phương pháp bình quân liên hoàn (bình quân sau mỗi lần nhập).

Theo phương pháp này, việc xác định bao nhiêu đơn giá phụ thuộc vào bấy nhiêu lần nhập trong kỳ.

$$\frac{\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i}{\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

Ví dụ: Ngày 06/12 xuất 50.000 lít dầu diesel cho Công ty cổ phần vật tư thương mại Thành Công chưa thu tiền.

- Số lượng dầu diesel tồn trước ngày 06/12 là: 15.372 lít
- Đơn giá xuất trước ngày 06/12 là: 12.367 đồng/lít.
- Ngày 06/12 nhập 60.000 lít, đơn giá nhập 12.797 đồng/lít.

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá xuất kho bình quân ngày 06/12} &= \frac{15.372 * 12.367 + 60.000 * 12.797}{15.372 + 60.000} \\ &= 12.709 \text{ đồng/lít} \end{aligned}$$

➤ Tài khoản sử dụng

- TK 156: Hàng hóa
- TK 632: Giá vốn hàng bán

Để hạch toán giá vốn hàng bán sử dụng TK 632 – Giá vốn hàng bán. Tài khoản được kế toán đơn vị theo dõi chi tiết trên các tài khoản:

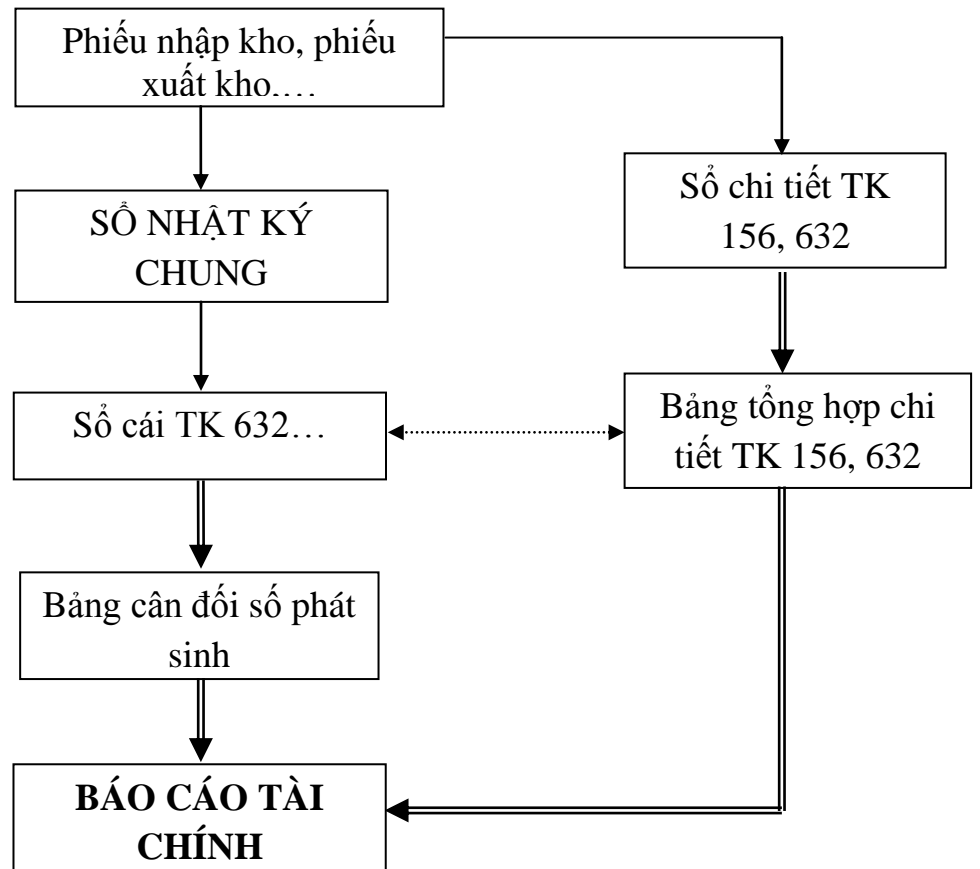
- TK 63211: Xăng A92
- TK 63212: Xăng A95
- TK 63213: Dầu Diesel
- TK 63214: Dầu Cirkan

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng mẫu số 01GTKT3/001
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02- VT)
- Thẻ kho
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ chi tiết TK 156, TK 632
- Sổ tổng hợp chi tiết TK 156, TK 632
- Sổ cái tài khoản 112, 111, 156, 632..

➤ **Trình tự luân chuyển chứng từ (Sơ đồ 2.1.5):****Sơ đồ 2.1.5. Quy trình hạch toán giá vốn tại đơn vị.****Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ: \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

- Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung kế toán làm căn cứ ghi vào sổ cái tài khoản 632, 156,...Đồng thời từ nghiệp vụ phát sinh kế toán phản ánh vào sổ chi tiết tài khoản 632,156.

- Cuối kỳ từ sổ chi tiết tài khoản kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết tài khoản 632, Bảng tổng hợp Nhập – xuất – tồn hàng hóa.

- Từ sổ cái các tài khoản được sử dụng lập bảng cân đối phát sinh, số liệu từ bảng cân đối phát sinh và bảng tổng hợp được sử dụng lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 06/12 xuất 50.000 lít dầu diesel cho Công ty cổ phần vật tư thương mại Thành Công chưa thu tiền.

- Căn cứ vào bảng tính hàng hóa xuất kho kế toán viết phiếu xuất kho số 47/12 (biểu số 2.2.1) đồng thời kế toán viết hóa đơn giá trị gia tăng cho hàng hóa xuất bán.

- Từ đó, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.2), đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 156, 632 (biểu số 2.2.3).

- Từ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK632 (biểu số 2.2.4), TK156.

- Cuối kỳ, từ sổ chi tiết giá vốn, kế toán lập bảng tổng hợp giá vốn hàng bán (biểu số 2.2.5), từ sổ chi tiết TK 156 lập bảng tổng hợp nhập - xuất- tồn.

- Từ sổ cái các tài khoản được sử dụng lập bảng cân đối phát sinh, số liệu từ bảng cân đối phát sinh và bảng tổng hợp được sử dụng lập báo cáo tài chính.

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 12 năm 2011

Số: 27/12
Nợ TK 632: 635.450.000
Có TK 156: 635.450.000

Họ và tên người nhận hàng:Trần Thị Hạnh Nhung

Địa chỉ(bộ phận)... Công ty cổ phần vật tư thương mại Thành Công

Lý do xuất kho: Xuất bán dầu diesel.....

Xuất tại kho (ngăn lô):.....Địa điểm:

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1.	Dầu diesel		Lít	50.000	50.000	12.709	635.450.000
	Cộng						635.450.000

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Sáu trăm mười sáu triệu một trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm mười lăm đồng chẵn./

- Số chứng từ gốc kèm theo:.....

Ngày 06 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.1. Phiếu xuất kho

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2011 đến 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
02/12	GBC 86/N ₀	02/12	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	112 111	400.000.000	400.000.000
02/12	UNC 79/VT	02/12	Thanh toán tiền hàng cho công ty CP thương mại Gia Trang	331 112	365.000.000	365.000.000
03/12	PT 25/12	03/12	Thu tiền khách hàng trả	111 131	125.000.000	125.000.000
.....					
06/12	HĐ 0055463	06/12	Xuất bán dầu diesel cho công ty CP vật tư thương mại Thành Công	131 511 333 138	738.020.000	648.200.000 64.820.000 25.000.000
06/12	PX 27/12	06/12	Giá vốn hàng bán	632 156	635.450.000	635.450.000
.....
			Cộng tổng số phát sinh		278.487.956.692	278.487.956.692

Ngày ... tháng ... năm...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.2.2. Nhật ký chung

SỔ CHI TIẾT GIÁ VÔN

Tài khoản: 632 – 63211

Tên hàng hóa: Dầu diesel

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Giá vốn hàng bán			
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
						Nợ	Có
						
PN 14/12	05/12	Nhập kho dầu diesel	156	60.000	12.797	767.820.000	
PX 26/12	05/12	Xuất bán dầu diesel cho cty TNHH T&T	156	12.150	12.709	154.414.350	
PX 27/12	06/12	Xuất bán dầu diesel cho công ty CP vật tư thương mại Thành Công	156	50.000	12.709	635.450.000	
PX 28/12	06/12	Xuất bán Xăng A92 cho cty TNHH Mai Trang	156	2.000	12.709	25.418.000	
PX 29/12	06/12	Xuất bán dầu Cirkan cho cty Cp Vĩnh Phúc	156	2.500	12.709	31.772.500	
PX 30/12	07/12	Xuất bán dầu diesel cho cty TNHH Duy Tiến	156	5.500	12.709	70.700.167	
						
		Cộng				6.826.697.832	6.826.697.832

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

.(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

..... (Ký, họ tên)

Biểu số 2.2.3. Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

SỔ CÁI

TK 632 - Giá vốn hàng bán

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
					
05/12	PX 26/12	05/12	Xuất bán dầu diesel cho cty TNHH T&T	156	154.414.350	
06/12	PX 27/12	06/12	Xuất bán dầu diesel cho công ty CP vật tư thương mại Thành Công	156	635.450.000	
06/12	PX 28/12	06/12	Xuất bán Xăng A92 cho cty TNHH Mai Trang	156	25.418.000	
06/12	PX 29/12	06/12	Xuất bán dầu Cirkan cho cty Cp Vĩnh Phúc	156	31.772.500	
07/12	PX 30/12	07/12	Xuất bán dầu diesel cho cty TNHH Duy Tiến	156	70.700.167	
			
31/12	PKT 69	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		29.564.188.552
			Cộng số phát sinh		29.564.188.552	29.564.188.552
			Số dư đầu kỳ			

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.2.4. Sổ cái giá vốn hàng bán

CÔNG TY TNHH TM & DV DẦU KHÍ AN ĐẠT
4C96 Trại Chuối, Hồng Bàng, Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN 632

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Số hiệu TK 632 - Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên hàng hóa	SHTK	Phát sinh trong kỳ	
			Nợ	Có
01	Xăng A92	63211	10.086.545.674	10.086.545.674
02	Xăng A95	63212	9.366.830.436	9.366.830.436
03	Dầu Diesel	63213	6.826.697.832	6.826.697.832
04	Dầu Cirkan	63214	3.284.114.610	3.284.114.610
	Tổng		29.564.188.552	29.564.188.552

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.1.7. Sổ tổng hợp chi tiết giá vốn hàng bán

2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng.**2.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng trong doanh nghiệp.**

Chi phí bán hàng tại công ty là những chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, cung cấp hàng hóa bao gồm chi phí lưu kho bãi chi phí bảo quản, vận chuyển, chi phí nhân viên, chi phí dụng cụ, đồ dùng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

➤ Tài khoản sử dụng:

- TK 641: chi phí bán hàng
- TK khác liên quan: TK 111, TK 112

➤ Sổ sách sử dụng:

- Sổ cái tài khoản 641
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ khác có liên quan

➤ Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương, BHXH
- Phiếu chi, hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- Các chứng từ khác liên quan.

2.2.3.2 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty là toàn bộ những chi phí liên quan đến hoạt động quản lý của doanh nghiệp như các chi phí lương nhân viên quản lý, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, chi phí dịch vụ mua ngoài chi phí bằng tiền khác,

➤ Tài khoản sử dụng:

- TK 642: chi phí quản lý doanh nghiệp
- TK khác liên quan: 111, 112,

➤ **Sổ sách sử dụng:**

- Sổ cái tài khoản 642
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ khác có liên quan

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

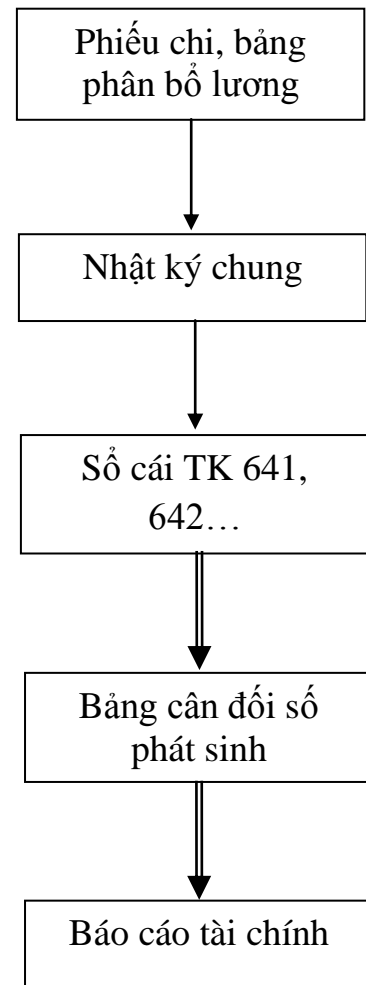
- Bảng phân bổ tiền lương, BHXH
- Phiếu chi, hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- Các chứng từ khác liên quan.

➤ **Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 2.1.6. Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối kỳ



- Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra làm căn cứ ghi sổ, kế toán hạch toán vào sổ Nhật ký chung. Từ sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào sổ cái tài khoản 641, tài khoản 642 và các tài khoản có liên quan.

- Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản kế toán lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Ví dụ 4: Ngày 20 tháng 12 công ty thanh toán tiền cước điện thoại sử dụng cho bộ phận bán hàng số tiền 1.608.388 đồng.

Căn cứ vào hóa đơn tiền điện thoại số (biểu số 2.3.1) và các chứng từ khác có liên quan như phiếu chi (biểu số 2.3.2), kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản:

Nợ TK 641: 1.462.171

Nợ TK133: 146.217

Có TK 111: 1.608.388

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.3.3).

Từ sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 641 (biểu số 2.3.4), TK 133, TK 111.

Thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi ghi vào sổ quỹ tiền mặt.

Cuối kỳ, căn cứ vào sổ cái các tài khoản lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 5: Ngày 10 tháng 12 công ty chi tiền tiếp khách ở bộ phận quản lý, số tiền là 2.640.000 đồng.

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng (biểu số 2.3.5) và các chứng từ khác có liên quan như phiếu chi (biểu số 2.3.6), kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK642: 2.400.000

Nợ TK133: 240.000

Có TK 111: 2.640.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.3.7)

Từ sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 642 (biểu số 2.3.8), TK 133, 111

Thủ quỹ căn cứ vào phiếu chi ghi vào sổ quỹ tiền mặt.

Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng lập báo cáo tài chính.

Mã số:

TT Dịch vụ khách hàng - VTHP

Tên khách hàng (customer's name): Công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt.....

Mã số:

Địa chỉ (address): 4C96 Trại Chuối, Hồng Bàng , Hải Phòng.....

Số điện thoại(tel): ...031.3457.368.... Mã số(code):.....

Hình thức thanh toán (kind of payment): TM/CK.....

Dịch vụ sử dụng (kind of service)	Thành tiền (amount)
KỶ HÓA ĐƠN THÁNG 11/2011	1.462.171
a)Cước dịch vụ viễn thông	0
b) Cước dịch vụ viễn thông không thuế	0
c) Chiết khấu + dịch vụ	0
d) Khuyến mại	0
e) Trừ đặt cọc + trích thưởng+ nợ cũ	
a+b+c+d Cộng tiền dịch vụ (1)	1.462.171
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT (2)	146.217
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán	1.608.388

Số tiền viết bằng chữ: *Một triệu sáu trăm linh tám nghìn ba trăm tám mươi tám đồng chẵn./*

Ngày.....tháng.....năm.....

Người nộp tiền ký**Nhân viên giao dịch ký****Biểu 2.3.1. Hóa đơn dịch vụ viễn thông VNPT**

PHIẾU CHI

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Số: **60/12**

Nợ TK 641: 1.462.171

Nợ TK 133: 146.217

Có TK 111: 1.608.388

Họ và tên người nhận tiền : Đỗ Thị Vân.....

Địa chỉ:..... Bộ phận bán hàng.....

Lý do chi:.....Thanh toán tiền điện thoại.....

Số tiền :..... 1.608.388.....(Viết bằng chữ): *Một triệu sáu trăm linh tám nghìn ba trăm tám mươi tám đồng chẵn./*.....

Kèm theo:.....01.....Chứng từ gốc.....HĐGTGT 0524969.....

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): *Một triệu sáu trăm linh tám nghìn ba trăm tám mươi tám đồng chẵn./*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi.....

Biểu 2.3.2. Phiếu chi

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: *Đồng*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
02/12	GBC 86/N _o	02/12	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	112 111	400.000.000	400.000.000
02/12	UNC 79/VT	02/12	Thanh toán tiền hàng cho công ty CP thương mại Gia Trang	331 112	365.000.000	365.000.000
03/12	PT 25/12	03/12	Thu tiền khách hàng trả	111 131	125.000.000	125.000.000
.....					
08/12	GBC 86/NN	08/12	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	112 111	260.000.000	260.000.000
08/12	UNC 92/VT	08/12	Thanh toán tiền cho cty TNHH Cường Huy	331 112	300.000.000	300.000.000
.....					
12/12	HD 0055486	12/12	Xuất bán thép hình cho cty TNHH T&T	131 511 333	315.272.145	286.611.041 28.661.104
12/12	PX 68/12	12/12	Giá vốn hàng bán	632 156	273.537.497	273.537.497
.....					
20/12	PC 60/12	20/12	Thanh toán cước điện thoại	641 133 111	1.462.171 146.217	1.608.388
.....					
			Cộng tổng số phát sinh		278.487.956.692	278.487.956.692

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.3.3. Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TM & DV DẦU KHÍ AN ĐẠT
4C96 Trại Chuối, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03B - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng
Từ ngày 1/10/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
					
20/12	PC 60/12	20/12	Thanh toán tiền cước điện thoại	111	1.462.171	
20/12	PC 61/12	20/12	Mua bình nước cho cửa hàng	111	154.000	
					
31/12	BKH 12	31/12	Trích khấu hao tài sản cố định dùng cho bộ phận bán hàng	214	9.134.980	
31/12	BL 12	31/12	Tính lương phải trả bộ phận bán hàng	334	25.973.098	
31/12	BL 12	31/12	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí bán hàng	338	3.710.443	
31/12	PKT 69/12	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		490.735.638
			Cộng số phát sinh		490.735.638	490.735.638
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.3.4. Sổ cái chi phí bán hàng

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT -3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		AA/11P			
Liên 2: Giao khách hàng		0000186			
Ngày 10 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thái Dương					
Địa chỉ: 14 Trần Phú - Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại: MS thuế					
		0	2	0	0
		8	9	5	7
		3	5	-	-
Họ tên người mua hàng: Đỗ Văn Thành					
Tên đơn vị: Công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt					
Địa chỉ: Số 46C – Trại Chuối – Hồng Bàng - Hải Phòng					
Số tài khoản: 00 31 000 130 468 Vietcombank Hai Phong Branch.....					
Hình thức thanh toán: TM.....					
		0	2	0	0
		9	7	6	6
		6	6	3	-
MS:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Tiếp khách				2.400.000
<i>Cộng tiền hàng:</i>					2.400.000
<i>Thuế GTGT: 10 %</i>					<i>Tiền thuế GTGT:</i>
					240.000
<i>Tổng cộng tiền thanh toán</i>					2.640.000
<i>Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn/.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Biểu 2.3.5. Hóa đơn GTGT

CÔNG TY TNHH TM & DV DẦU KHÍ AN ĐẠT
4C96 Trại Chuối, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 12 năm 2011

Quyển số: 12

Số: **30/12**

Nợ TK 642: 2.400.000

Nợ TK 133: 240.000

Có TK 111: 2.640.000

Họ và tên người nhận tiền : Nguyễn Hải Hà.....

Địa chỉ:..... Phòng Kế Toán.....

Lý do chi:.....Thanh toán tiền tiếp khách

Số tiền :..... 2.640.000.....(Viết bằng chữ): Hai triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn./.....

Kèm theo:.....01.....Chứng từ gốc.....HĐGTGT **0000186**.....

Ngày 10 tháng 12 năm 2011.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ): Hai triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn/

..

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý).....

+ Số tiền quy đổi.....

Biểu số 2.3.6. Phiếu chi

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
02/12	GBC 86/N _o	02/12	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	112 111	400.000.000	400.000.000
02/12	UNC 79/VT	02/12	Thanh toán tiền hàng cho công ty CP thương mại Gia Trang	331 112	365.000.000	365.000.000
03/12	PT 25/12	03/12	Thu tiền khách hàng trả	111 131	125.000.000	125.000.000
.....					
08/12	GBC 86/NN	08/12	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	112 111	260.000.000	260.000.000
08/12	UNC 92/VT	08/12	Thanh toán tiền cho cty TNHH Cường Huy	331 112	300.000.000	300.000.000
.....					
12/12	HD 0055486	12/12	Xuất bán thép hình cho cty TNHH T&T	131 511 333	315.272.145	286.611.041 28.661.104
12/12	PX 68/12	12/12	Giá vốn hàng bán	632 156	273.537.497	273.537.497
.....					
10/12	PC 30/12	12/12	Chi tiền tiếp khách phục vụ quản lý	642 133 111	2.400.000 240.000	2.640.000.
.....					
			Cộng tổng số phát sinh		278.487.956.692	278.487.956.692

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.3.7. Sổ nhật ký chung

SỔ CÁI

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
					
10/12	PC 30/12	10/12	Chi tiếp khách phục vụ quản lý	111	2.400.000	
10/12	PC 31/12	10/12	Mua bình nước cho bộ phận quản lý	111	178.000	
11/12	PC 32/12	11/12	Mua một bộ bàn ghế phục vụ văn phòng	111	1.058.000	
11/12	PC 33/12	11/12	Mua giấy in tài liệu	111	65.000	
					
27/12	PC 72/12	27/12	Chi tiền tiếp khách cho bộ phận quản lý	111	3.105.000	
					
31/12	PKT 69/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		1.225.914.290
			Cộng số phát sinh		1.225.914.290	1.225.914.290
			Số dư đầu kỳ			

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.3.8. Sổ cái chi phí quản lý doanh nghiệp

2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.**2.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.**

Doanh thu hoạt động tài chính là tài khoản phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt chỉ bao gồm lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ trên cơ sở chứng từ thực tế.

• Tài khoản sử dụng

- TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 112- Tiền gửi ngân hàng.
- TK 111- Tiền mặt
- Và các TK liên quan

• Chứng từ sử dụng

Phiếu thu, giấy báo có, giấy báo lãi của ngân hàng, sổ phụ hoặc các chứng từ thông báo TK của ngân hàng.

Các chứng từ khác có liên quan.

2.2.4.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là tài khoản phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí lãi vay và cho vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

Chi phí hoạt động tài chính của công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt là các khoản tiền trả lãi tiền vay trong quá trình hoạt động.

• Tài khoản sử dụng

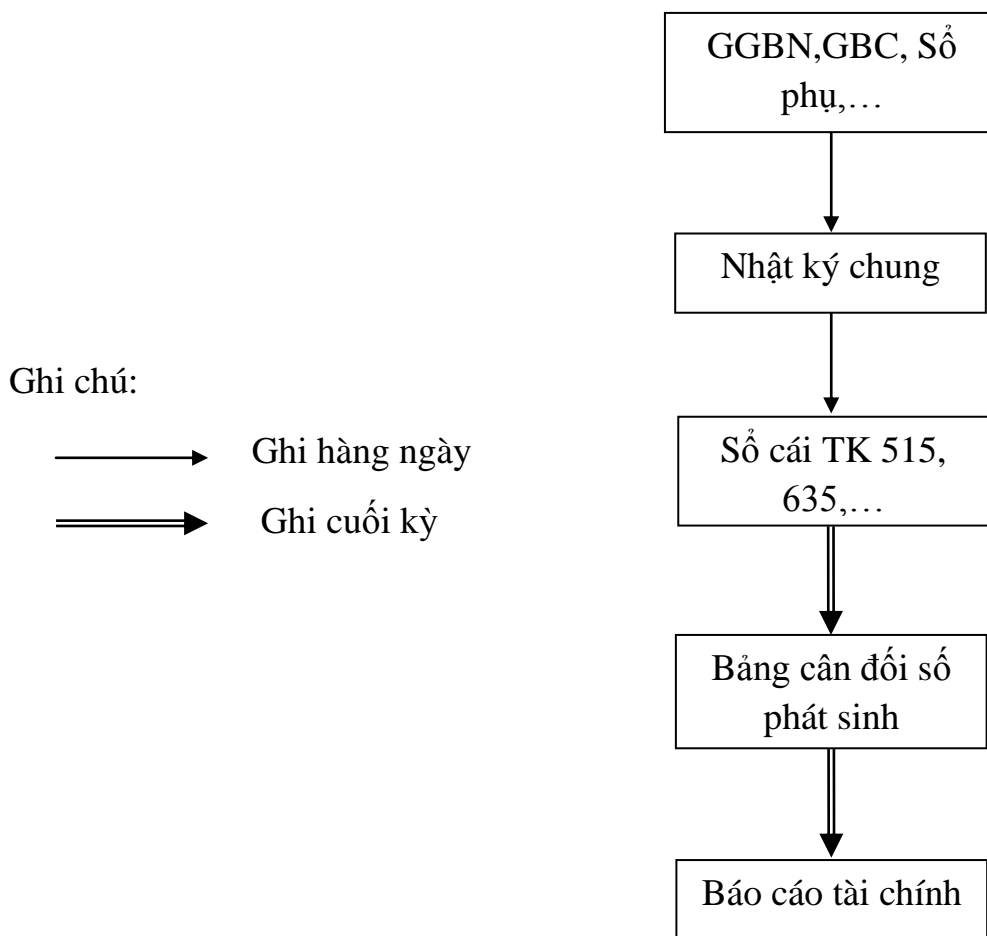
- TK 635- Chi phí hoạt động tài chính
- TK 112- Tiền gửi ngân hàng
- TK 111- Tiền mặt
- TK 131- Phải thu khách hàng
- Và các TK liên quan.

- **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Giấy báo lãi, sổ phụ của ngân hàng
- Các chứng từ thông báo TK của ngân hàng.

2.2.4.3. Phương pháp hạch toán.

Sơ đồ 2.1.7. Quy trình hạch toán kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính



Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái tài khoản 515, sổ cái tài khoản 635,...

Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập bảng cân đối Số phát sinh, từ bảng cân đối Số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ:

- Ngày 31 tháng 12 năm 2011, công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt thu tiền lãi từ ngân hàng Vietinbank chi nhánh Hải Phòng số tiền 652.471đồng.

Căn cứ vào giấy báo lãi (biểu số 2.4.1) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 112: 652.471

Có TK 515: 652.471

- Ngày 31 tháng 12 năm 2011, công ty trả tiền lãi vay của ngân hàng Vietin bank chi nhánh Hải Phòng, số tiền 9.543.937 đồng.

Căn cứ vào Giấy báo Nợ (biểu số 2.4.2) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản:

Nợ TK 635: 9.543.937

Có TK 112: 9.543.937

Từ các bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.4.3)

Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 515 (biểu số 2.4.4), sổ cái TK 635 (biểu số 2.4.5) và các TK có liên quan.

Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập BCTC.

GIẤY BÁO LÃI**Số: 168/VT***(Từ ngày 1/12/2011 đến hết ngày 31/12/2011)*

Kính gửi : CTY TNHH TM & DV DẦU KHÍ AN ĐẠT

Số tài khoản: 102010001141468

Loại tiền tệ: VNĐ

Mở tại ngân hàng chúng tôi được hưởng số tiền lãi tương ứng với lãi suất và số dư tài khoản như sau:

STT	Ngày	Số dư	Lãi suất (% năm)	Số tiền cộng dồn
1	4/12/11	286.652.027	3.0	73.188
2	11/12/11	121.652.027	3.0	183.326
...
...				
	31/12/11	3.0	652.471

Lãi được hưởng (bằng số): 652.471

Lãi được hưởng (bằng chữ): Sáu trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi một đồng./

Ngân hàng: CN HỒNG BÀNG – NHTMCP CÔNG THƯƠNG VN

Kính báo

Người lập bảng

Kiểm soát viên

Biểu 2.4.1. Giấy báo lãi của Ngân hàng Công thương

GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 31/12/2011

Kính gửi : CTY TNHH TM & DV DẦU KHÍ AN ĐẠT

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi NỢ : 102010001141468

Số tiền bằng số: 9.543.937

Số tiền bằng chữ: Chín triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng chẵn/

Nội dung: # TRẢ LÃI VAY #

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu 2.4.2. Giấy báo nợ của ngân hàng Công thương

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
02/12	GBC 86/N _o	02/12	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	112 111	400.000.000	400.000.000
02/12	UNC 79/VT	02/12	Thanh toán tiền hàng cho công ty CP thương mại Gia Trang	331 112	365.000.000	365.000.000
03/12	PT 25/12	03/12	Thu tiền khách hàng trả	111 131	125.000.000	125.000.000
.....					
31/12	GBC 138/VC	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng vietcombank	112 515	135.912	135.912
31/12	GBC 168/VT	31/12	Ngân hàng Vietin bank nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn-CN Hải Phòng	112 515	652.471	652.471
31/12	GBC 154/AC	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng thương mại Á Châu	112 515	1.258.472	1.258.472
31/12	PC 93/12	31/12	Phiếu chuyển tiền qua ngân hàng trả công ty cổ phần thương mại Gia Trang	642 111	33.000	33.000
31/12	GBN 152/VT	31/12	Trả lãi cho ngân hàng Vietin bank	635 112	9.543.937	9.543.937
31/12	PC 94/12	31/12	Chi mua văn phòng phẩm	642 133 111	2.714.000 271.000	2.985.400
					
			Cộng tổng số phát sinh		278.487.956.692	278.487.956.692

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.4.3. Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TM & DV DẦU KHÍ AN ĐẠT
4C96 Trại Chuối, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03B - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
					
31/12	GBC 134/VC	31/12	Thu lãi từ ngân hàng Vietcombank	112		432.156
31/12	GBC 168/VT	31/12	Ngân hàng vietin bank nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn - CN Hải Phòng	112		652.471
31/12	GBC 154/ACB	31/12	Thu tiền lãi từ ngân hàng thương mại Á Châu	112		1.258.472
					
31/12	PKT 12.14	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	911	63.846.224	
			Cộng số phát sinh		63.846.224	63.846.224
			Số dư đầu kỳ			

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4.4. Sổ cái doanh thu hoạt động tài chính

SỔ CÁI

Tài khoản 635 - Chi phí tài chính

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
					
31/12	GBN 152/VT	31/12	Trả lãi cho ngân hàng Vietin bank	112	9.543.937	
31/12	GBN 107/NN	31/12	Trả lãi ngân hàng nông nghiệp	112	12.125.875	
31/12	GBN 198/ACB	31/12	Trả lãi cho ngân hàng Á Châu	112	15.205.891	
					
31/12	PKT 69/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	477.908.504	477.908.504
			Cộng số phát sinh			
			Số dư đầu kỳ			

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)**Biểu số 2.4.5. Sổ cái chi phí tài chính**

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả kinh doanh cũng là cơ sở để doanh nghiệp tự đánh giá khả năng sản xuất kinh doanh, từ đó có những phân tích đúng đắn, hợp lý cho quá trình kinh doanh của đơn vị mình.

Hạch toán kết quả kinh doanh của đơn vị dựa trên việc hạch toán các TK 511, 515, 632, 635, 641, 642.

❖ **Quy trình hạch toán:**

Cuối kỳ, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính sang bên có tài khoản 911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, chi phí tài chính, sang bên Nợ Tài khoản 911.

Nếu tổng phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng phát sinh bên có Tài khoản 911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK 421- Lợi nhuận sau thuế.

Nếu tổng số phát sinh bên Nợ Tài khoản 911 nhỏ hơn tổng phát sinh bên Có tài khoản 911 thì chứng tỏ trong năm công ty kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Nhà nước như sau:

$$\begin{array}{rcl}
 \text{Xác định thu nhập} & & \text{Số phát sinh bên} \\
 \text{chịu thuế} & : & \text{Có TK 911} \\
 & & \text{Số phát sinh bên} \\
 & & \text{Nợ TK 911} \\
 \\
 \text{Thuế TNDN} & = & \text{Thu nhập} \\
 \text{phải nộp} & & \text{chịu thuế} \quad \times \quad \text{Thuế suất thuế} \\
 & & & \text{TNDN}
 \end{array}$$

Khi xác định được số thuế phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế TNDN đã trích nộp đầu các quý để tính số thuế thu nhập còn phải nộp hay được ghi giảm.

Sau khi tính được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911. Từ đó, xác định số lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên có TK 421- “ Lợi nhuận sau thuế”.

Cuối tháng 12/2011, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh quý 4/2011.

- Kế toán lập các phiếu kế toán để kết chuyển doanh thu, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kế toán xác định thuế TNDN mà công ty phải nộp, xác định được số tiền lãi của Công ty trong kỳ.
- Sau đó, kế toán ghi sổ cái TK 911 và sổ cái TK 421.

❖ ***Chứng từ sử dụng:*** Phiếu kế toán

Cách lập phiếu kế toán: Cuối kỳ tập hợp số liệu từ các sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển và xác định kết quả kinh doanh.

❖ ***Tài khoản sử dụng***

Công ty dùng tài khoản 911 để phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

Tài khoản 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối

Các tài khoản khác có liên quan như: TK 333, TK 511, TK 632,...

Ví dụ: Kế toán thực hiện tính toán kết quả lãi, lỗ của toàn bộ hoạt động kinh doanh của năm 2011.

Trong đó:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	31.878.844.364
- Doanh thu hoạt động tài chính:	63.846.224
- Giá vốn hàng bán:	29.564.188.552
- Chi phí hoạt động tài chính:	477.908.504
- Chi phí bán hàng:	490.735.638
- Chi phí quản lý doanh nghiệp:	1.225.914.290

Cuối kỳ, kế toán thực hiện việc kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Nợ TK 511	:	31.878.844.364
Có TK 911	:	31.878.844.364

Cuối kỳ, kế toán thực hiện việc kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính:

Nợ TK 515	:	63.846.224
Có TK 911	:	63.846.224

Cuối kỳ, kế toán thực hiện việc kết chuyển giá vốn:

Nợ TK 911	:	29.564.188.552
Có TK 632	:	29.564.188.552

Cuối kỳ, kế toán thực hiện việc kết chuyển chi phí tài chính:

Nợ TK 911	:	477.908.504
Có TK 635	:	477.908.504

Cuối kỳ, kế toán thực hiện việc kết chuyển chi phí:

Nợ TK 911	:	1.716.649.928
Có TK 641	:	490.735.638
Có TK 642	:	1.225.914.290

Khi đó, kết quả kinh doanh = 31.878.844.364 + 63.846.224 - 29.564.188.552 - 477.908.504 - 490.735.638 - 1.225.914.290 = 183.943.604 > 0

⇒ Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong quý IV là lãi.

Cuối kỳ, kế toán thực hiện kết chuyển thuế TNDN phải nộp

Nợ TK 911: 45.985.901

Có TK 821: 45.985.901

Cuối kỳ, kế toán thực hiện kết chuyển lãi:

Nợ TK 911: 137.957.703

Có TK 421: 137.957.703

Lợi nhuận sau thuế = 137.957.703

Cuối quý, tập hợp số liệu từ sổ sách, kế toán lập phiếu ghi có TK 911 (biểu số 2.5.1), phiếu kế toán ghi nợ TK911 (biểu số 2.5.2).

Căn cứ vào phiếu kế toán, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.5.3). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 911 (biểu số 2.5.4), TK821, TK421,...

Cuối kỳ, từ sổ cái tài khoản được sử dụng để lập bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH TM & DV DẦU KHÍ AN ĐẠT

4C96 Trại Chuối, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 68/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi có TK 911			
1	K/c Doanh thu bán hàng	511	911	31.878.844.364
2	K/c Doanh thu tài chính	515	911	63.846.224
	Tổng			31.942.690.588

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu

(Ký tên)

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.5.1. Phiếu kế toán số 68/12**CÔNG TY TNHH TM & DV DẦU KHÍ AN ĐẠT**

4C96 Trại Chuối, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 69/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi nợ TK 911			
1	K/c Giá vốn hàng bán	911	632	29.564.188.552
2	K/c Chi phí tài chính	911	635	477.908.504
3	K/c Chi phí bán hàng	911	641	490.735.638
4	K/c Chi phí QLDN	911	642	1.225.914.290
5	K/c Chi phí thuế TNDN	911	821	45.985.901
6	K/c Lợi nhuận sau thuế	911	421	137.957.703
	Tổng			31.942.690.588

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu

(Ký tên)

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu 2.5.2. Phiếu kế toán 69/12

CÔNG TY TNHH TM & DV DẦU KHÍ AN ĐẠT
4C96 Trại Chuối, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03A- DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
31/12	PKT 68/12	31/12	Kết chuyển Doanh thu	511 515 911	31.878.844.364 63.846.224	31.942.690.588
31/12	PKT 69/12	31/12	Kết chuyển Chi phí	911 632 635 641 642	31.758.746.984	29.564.188.552 477.908.504 490.735.638 1.225.914.290
31/12	PKT 69/12	31/12	Kết chuyển Thuế TNDN	911 821	45.985.901	45.985.901
31/12	PKT 69/12	31/12	Kết chuyển Lợi nhuận sau thuế	911 421	137.957.703	137.957.703
.....
			Cộng tổng số phát sinh		278.487.956.692	278.487.956.692

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5.3. Sổ nhật ký chung

SỔ CÁI

TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U'	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
					
31/12	PKT 68/12	31/12	K/c Doanh thu BH	511		31.878.844.364
			K/c doanh thu hoạt động tài chính	515		63.846.224
31/12	PKT 69/12	31/12	K/c Giá vốn hàng bán	632	29.564.188.552	
			K/c Chi phí BH	641	490.735.638	
			K/c Chi phí QLDN	642	1.225.914.290	
			K/c Chi phí TC	635	477.908.504	
31/12	PKT 69/12	31/12	Kết chuyển Thuế TNDN	821	45.985.901	
31/12	PKT 69/12	31/12	Kết chuyển Lợi nhuận sau thuế	421	137.957.703	
			Cộng số phát sinh		31.942.690.588	31.942.690.588
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5.4. Sổ cái Xác định kết quả kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	31.878.844.364	27.197.346.516
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.27	31.878.844.364	27.197.346.516
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	29.564.188.552	24.582.706.468
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	VI.29	2.314.655.812	2.614.640.048
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.30	63.846.224	64.982.338
7. Chi phí hoạt động tài chính	22		477.908.504	442.389.364
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		477.908.504	442.389.364
8. Chi phí bán hàng	24		490.735.638	510.209.042
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.225.914.290	1.391.344.368
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { (30=20+(21-22)+(24+25) }	30		183.943.604	335.679.612
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		183.943.604	335.679.612
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	45.985.901	83.919.903
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		137.957.703	251.759.709
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)**Biểu 2.5.5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý IV**

CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM & DV DẦU KHÍ AN ĐẠT

3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Thời gian thực tập tìm hiểu về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt đã mang đến cho em một số nhìn nhận sơ bộ, một số đánh giá chung về tổ chức hoạt động, tổ chức hạch toán tại công ty như sau:

Nhìn chung công ty có bộ máy quản lý chặt chẽ, các phòng ban được phân công nhiệm vụ một cách rõ ràng, cụ thể. Tuy gặp nhiều khó khăn nhưng công ty luôn phấn đấu vươn lên, đảm bảo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên, phát động phong trào thi đua nhằm khắc phục mặt yếu, phát huy những điểm mạnh sẵn có, qua đó tìm được hướng đi mới phù hợp với quy luật phát triển. Trong nhiều năm qua, công ty luôn đảm bảo đúng nguyên tắc hạch toán kế toán đặc biệt trong công tác quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Trong công tác kế toán tại công ty, việc thực hiện và áp dụng chế độ kế toán của Nhà nước được tiến hành triệt để, đúng yêu cầu và nguyên tắc kế toán đề ra. Tuy nhiên trong quá trình hạch toán cũng không cứng nhắc, dập khuôn mà luôn được cải tiến cho phù hợp với điều kiện và đặc điểm kinh doanh của công ty dựa trên cơ sở chế độ kế toán hiện hành.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận của quá trình kế toán trong công ty. Vì vậy nó đã không ngừng đổi mới và hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu về thông tin của nhà quản lý.

3.1.1. Ưu điểm

Nhìn chung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty đã dựa trên căn cứ khoa học, đặc điểm tình hình thực tế của công ty và vận dụng một cách sáng tạo chế độ kế toán tài chính hiện hành. Đảm bảo được tính thống nhất về mặt phạm vi, phương pháp kế toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác liên quan.

❖ Về tổ chức quản lý và hoạt động

Bộ máy quản lý của công ty gồm những nhà quản lý có khả năng lãnh đạo, năng động, có tinh thần trách nhiệm dám nghĩ, dám làm, luôn có những sáng kiến giải pháp phù hợp, giải quyết nhanh chóng những sự cố xảy ra và kịp thời đưa ra những chỉ thị, chỉ đạo cho cấp dưới thực hiện.

Tuy là một công ty thương mại mới thành lập nhưng có mô hình tổ chức quản lý gọn nhẹ, khoa học. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty được chia thành các phòng ban riêng, mỗi phòng ban lại có nhiệm vụ chức năng cụ thể. Tuy nhiên chúng hoạt động không tách rời mà luôn hỗ trợ, phối hợp cho nhau tạo nên một sự hoạt động thống nhất trong tổ chức quản lý.

Đội ngũ nhân viên tại các phòng ban đều có trình độ và chuyên môn nên khá phù hợp với yêu cầu công việc. Bên cạnh đó, đội ngũ nhân viên là những người có kinh nghiệm lâu năm do đó đảm bảo được chất lượng công việc được giao cũng như ý thức trách nhiệm làm việc.

❖ Về tổ chức hạch toán kế toán.**➤ Về tổ chức công tác kế toán hiện nay:**

Việc tổ chức công tác kế toán phù hợp với đặc điểm tình hình của Công ty. Công ty luôn chấp hành một cách đầy đủ chính sách, chế độ kế toán, tài chính Nhà nước, chính sách về giá, thuế. Tổ chức mở sổ đầy đủ, đồng thời ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh, nhờ đó góp phần bảo vệ tài sản của công ty.

➤ *Về tổ chức bộ máy kế toán:*

Các nhân viên kế toán có trách nhiệm và nhiệt tình trong tình hình công việc. Mỗi nhân viên kế toán đảm nhận các phần hành cụ thể nhưng vẫn đảm bảo việc kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các phần hành, đồng thời nâng cao trình độ chuyên môn của các nhân viên kế toán. Kế toán tổng hợp đã kịp thời theo dõi chính xác tình hình biến động của hàng hóa, của giá cả hàng hóa và xu hướng hàng hóa trên thị trường, tính toán chính xác thu nhập và chi phí phát sinh của các hoạt động bán hàng cũng như hoạt động tài chính và các hoạt động khác. Đơn vị cũng thực hiện nghiêm túc trách nhiệm với Ngân sách nhà nước về các khoản phải nộp, đồng thời tiến hành quản lý hạch toán với từng khách hàng, xác định được kết quả kinh doanh ở từng thời điểm cụ thể.

➤ *Chế độ, chính sách, phương thức hạch toán kế toán:*

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán “Nhật ký chung”, các chứng từ gốc, các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ, thống nhất toàn công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty.

➤ *Về chứng từ kế toán sử dụng:*

Các chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh. Chứng từ sử dụng đúng mẫu của bộ tài chính, có đầy đủ các yếu tố cần thiết. Chứng từ được phân loại theo hệ thống rõ ràng, việc luân chuyển chứng từ được tiến hành một cách nhanh chóng, kịp thời.

➤ *Về hệ thống báo cáo kế toán:*

Công ty đã lập đầy đủ hệ thống báo cáo kế toán bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính và nộp cho Nhà nước theo đúng thời gian quy định.

❖ Về tổ chức công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**➤ Về tổ chức kế toán doanh thu:**

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

➤ Về công tác kế toán chi phí:

Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

➤ Về kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Trên cơ sở đặc điểm của kết quả kinh doanh tại công ty, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn, để đưa ra hệ thống sổ sách ghi chép, thu nhập bên cạnh việc cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác cho các cơ quan chức năng: Cơ quan thuế, ngân hàng,... Doanh nghiệp còn cung cấp đầy đủ thông tin cho cơ quan lãnh đạo doanh nghiệp, giúp cho ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định đúng đắn về hoạt động kinh doanh của công ty, đặt ra chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời và hiệu quả.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được coi trọng đúng mức và bố trí kế toán có trình độ nghiệp vụ cao.

3.1.2. Nhược điểm.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt còn tồn tại những hạn chế nhất định chưa phù hợp với chế độ chung. Việc hạch toán chưa thực sự khoa học để đưa ra những biện pháp thiết thực kịp thời

nhằm cung cấp thông tin được đầy đủ, giúp ban lãnh đạo đưa ra được những quyết định về hoạt động quản lý, hoạt động tiêu thụ hàng hóa.

➤ **Về tổ chức bộ máy kế toán và công tác ghi chép sổ sách kế toán**

- *Về tổ chức bộ máy kế toán:* Hiện nay, Bộ máy kế toán tại Công ty đã có sự phân công công việc cụ thể song một người phải đảm nhận quá nhiều phần hành. Do đó trong công việc không tránh khỏi những sai sót, nhầm lẫn. Những nhân viên kế toán tuy có kinh nghiệm trong công việc nhưng trình độ chưa cao nên chưa thích ứng kịp thời với những thay đổi của các chính sách kế toán và nắm bắt kịp thời các thông tin của thị trường giúp đẩy nhanh quá trình tiêu thụ.

- *Về việc áp dụng phần mềm kế toán:* Tại Công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt công việc kế toán chủ yếu được tiến hành bằng thủ công và được hỗ trợ thực hiện trên Exel. Do vậy, các công thức tính toán khi sao chép từ các bảng tính này sang bảng tính khác có thể bị sai lệch.

➤ **Về việc áp dụng các chính sách ưu đãi trong bán hàng và thu hồi vốn.**

Trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó tạo ra sức hấp dẫn, lôi cuốn và thu hút khách hàng.

Công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt trong quá trình bán hàng chưa áp dụng tốt những chính sách ưu đãi để khuyến khích khách hàng mua nhiều, thanh toán nhanh như: chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán cho khách hàng mua với số lượng lớn, thanh toán nhanh và trước hạn.

Việc chưa áp dụng các chính sách ưu đãi này sẽ làm giảm không nhỏ số lượng khách hàng của công ty và dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng của công ty cùng với công tác thu hồi vốn gặp khó khăn.

➤ **Về việc theo dõi chi tiết chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp.**

Công ty không tiến hành mở sổ chi tiết chi phí bán hàng (TK 641), chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642) làm cho công ty không theo dõi được cụ thể các khoản mục chi phí nằm trong TK 642 như: Chi phí tiền lương nhân viên quản lý; chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ công tác quản lý...

➤ Về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Là một doanh nghiệp thương mại, nên quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng còn chậm, thậm chí còn nhiều khách hàng mất khả năng thanh toán. Vì vậy việc công ty không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để tránh những rủi ro là một hạn chế lớn của doanh nghiệp.

Phân loại nợ phải thu của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2011 như sau:

CÔNG TY TNHH TM & DV DẦU KHÍ AN ĐẠT
4C96 Trại Chuối, Hồng Bàng, Hải Phòng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ

Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

STT	TÊN KHÁCH HÀNG	Số tiền	Nợ chưa đến hạn	Nợ đến hạn	Nợ quá hạn	Nợ không đòi được
1	Công ty CP vật tư thương mại Thành Công	165.996.607	102.457.915	63.538.692		
2	Công ty TNHH T&T	154.043.004	84.517.938	69.525.066		
3	Công ty TNHH Duy Tiến	10.043.431			10.043.431	
4	Công ty CP Vĩnh Phúc	53.208.970		53.208.970		
.....	
	Tổng cộng	1.650.264.630	767.721.879	561.649.752	305.345.073	15.547.926

Biểu số 3.1. Báo cáo tình hình công nợ

3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM & DV DẦU KHÍ AN ĐẠT.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nói chung và hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng là sự cần thiết khách quan. Bởi:

Thứ nhất: Do yêu cầu của sự phát triển kinh tế cần thiết phải có những thông tin tài chính chính xác, hiệu quả, đáng tin cậy. Các thông tin kế toán vừa mang tính định tính, vừa mang tính định lượng, các thông tin này rất quan trọng đối với những đối tượng sử dụng thông tin. Thông tin kế toán cung cấp không chỉ quan trọng đối với bản thân doanh nghiệp mà quan trọng với Nhà nước trong việc kiểm tra tình hình chấp hành các chính sách, chế độ, từ đó nghiên cứu bổ sung chính sách, chế độ phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp và điều kiện thực tế của đất nước.

Thứ hai: Mỗi doanh nghiệp khi hoạt động kinh doanh đều mong muốn đạt hiệu quả kinh doanh cao. Các công ty cần đưa ra những quyết định để nâng cao doanh thu, tiết kiệm và hạ thấp chi phí, không ngừng nâng cao lợi nhuận. Để làm được điều đó thì thông tin về kinh tế, tài chính về kinh tế là rất quan trọng cho bản thân các nhà lãnh đạo doanh nghiệp. Thông tin mà kế toán cung cấp phải đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, hiệu quả để cung cấp tốt nhất cho nhà quản trị, cho các nhà đầu tư,... Để đảm bảo được yêu cầu sử dụng và cung cấp thông tin, công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt cần hoàn thiện công tác kế toán nói chung, đặc biệt là hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

Thứ ba: Trong bối cảnh hệ thống kế toán Việt Nam hiện nay đang từng bước trong lộ trình hoàn thiện nhằm phù hợp với sự phát triển của kế toán quốc tế nhưng cũng phải đảm bảo thích hợp với điều kiện, kinh tế, xã hội của Việt Nam. Cụ thể

Việt Nam đã ban hành luật kế toán và gần đây hệ thống chuẩn mực kế toán dựa theo nguyên tắc tuân thủ các thông lệ, chuẩn mực kế toán quốc tế. Tuy nhiên quá trình đổi mới đó đang trong giai đoạn đầu nên khó tránh khỏi những bất cập. Hệ thống kế toán Việt Nam đang cần có những sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện sao cho phù hợp với điều kiện trong nước. Trong đó, kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh là một phần rất quan trọng cần được hoàn thiện.

Vì vậy, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nhu cầu tất yếu và cần thiết trong điều kiện của các doanh nghiệp ở Việt Nam nói chung và tại công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt nói riêng.

3.2.2. Một số nguyên tắc và yêu cầu tiến hành hoàn thiện công tác kế toán

3.2.2.1. Một số nguyên tắc hoàn thiện.

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc thống nhất: Đảm bảo được sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh. Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ tài khoản, sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán.

- Thực hiện đúng chế độ Nhà nước ban hành.

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học, phù hợp với đặc điểm, tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. Đơn vị phải có đội ngũ kế toán viên hiểu biết, nắm vững nghiệp vụ kế toán.

- Tiếp cận chuẩn mực quốc tế, áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, đầy đủ về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho việc chỉ đạo quá trình kinh doanh.

3.2.2.2. Yêu cầu hoàn thiện

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh một cách trung thực, khách quan, dễ hiểu để tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.

- Số liệu kế toán phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc phản ánh số liệu chính xác, kịp thời là điều kiện hết sức cần thiết và quan trọng đối với các cơ quan chức năng:

+ Đối với cơ quan thuế - giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp vào ngân sách Nhà nước;

+ Đối với ngân hàng - giúp cho việc tính lãi vay, tiền gửi và việc thu hồi vốn và lãi;

+ Đặc biệt là giúp cho ban lãnh đạo của doanh nghiệp trong việc đưa ra phương hướng và kế hoạch cụ thể cho kỳ kinh doanh tiếp theo...

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và công khai, đây là điều kiện đặc biệt quan tâm của các đơn vị và đối tác tham gia góp vốn liên doanh, liên kết.

- Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi. Bất kì doanh nghiệp nào dù là tư nhân hay Nhà nước đều có chung mong muốn tiết kiệm được chi phí, thu được lợi nhuận cao, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó có thể đánh giá được thực trạng phát triển, những ưu điểm và những hạn chế còn tồn tại trong kinh doanh. Hiện nay, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt chưa hoàn thiện, gây khó khăn cho công tác quản lý do thông tin về chi phí và xác định kết quả kinh doanh chính xác và có độ tin cậy cao, đúng với chế độ chính sách hiện hành từ đó giúp kế toán lập các báo cáo tài chính nói chung và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng một cách trung thực, hợp lý. Đồng thời, giúp nhà quản trị nhận định đúng được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty tốt hay xấu, có được kết quả mong muốn hay không, tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân sách nhà nước như thế nào và có thể đưa ra các biện pháp nhằm thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm.

Dựa trên những hạn chế đã nêu ra và những thông tin những kiến thức đã được học, em xin đưa ra một số biện pháp hoàn thiện tổ chức công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao công tác quản lý chi phí tại công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt.

Kiến nghị 1: Về tổ chức bộ máy kế toán và công tác ghi chép sổ sách kế toán

- Về tổ chức bộ máy kế toán:

Như đã đề cập ở phần trên, hiện nay Bộ máy kế toán tại Công ty đã có sự phân công công việc cụ thể song một người phải đảm nhận quá nhiều phần hành do đó trong công việc không tránh khỏi những sai sót, nhầm lẫn. Những nhân viên kế toán tuy có kinh nghiệm trong công việc nhưng trình độ chưa cao nên không thích ứng kịp thời với những thay đổi của các chính sách kế toán và nắm bắt kịp thời các thông tin của thị trường giúp đẩy nhanh quá trình tiêu thụ.

Để hoàn thiện bộ máy kế toán thì trước hết phải nâng cao trình độ của các nhân viên kế toán bằng việc: Tổ chức cán lớp huấn luyện, đào tạo nâng cao tay

nghề cho đội ngũ nhân viên phòng kế toán ngay tại công ty, hoặc cho nhân viên đi đào tạo thêm về nghiệp vụ kế toán, học các lớp tin học, các khóa học bên ngoài về sử dụng phần mềm kế toán để nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, đáp ứng yêu cầu của nhà quản lý, để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Về việc ghi chép sổ sách kế toán:

Công ty nên xem xét việc áp dụng các phần mềm kế toán nhằm giảm bớt gánh nặng công việc cho nhân viên kế toán, vừa mang lại hiệu quả cao trong công việc, giúp tiết kiệm được thời gian, nhanh chóng, kịp thời hơn. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán máy chuyên dụng, hỗ trợ hiệu quả cho công tác kế toán mà công ty có thể tham khảo lựa chọn như: Misa Accounting, Vacom Accounting, 3S Accounting,... hoặc công ty có thể đặt mua một phần mềm kế toán riêng phù hợp với công ty mình. Khi công ty mua phần mềm kế toán về sử dụng thì công ty nên mời chuyên gia về hướng dẫn, đào tạo nhân viên kế toán sử dụng tốt phần mềm.

Một khi đơn vị thực hiện được giải pháp trên sẽ đảm bảo cho công tác kế toán được hoàn thiện, chính xác hơn, việc phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kịp thời, nhanh gọn, báo cáo kế toán lập ra đảm bảo độ chính xác, mức độ tin cậy cao.

Kiến nghị 2: Áp dụng các chính sách ưu đãi trong bán hàng và thu hồi vốn.

Nền kinh tế thị trường mở cửa cho sự phát triển mạnh mẽ của nhiều doanh nghiệp trong nước và ngoài nước. Vì vậy làm cách nào cạnh tranh lành mạnh, thu hút được khách hàng, giữ vững vị trí giữa các doanh nghiệp cùng ngành nghề, lĩnh vực luôn là mối quan tâm của bất cứ doanh nghiệp nào. Việc đơn vị không áp dụng các chính sách ưu đãi khiến làm giảm lượng khách hàng, từ đó giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Đơn vị nên xây dựng chính sách ưu đãi phù hợp với tình hình hiện tại và định hướng tương lai để thu hút khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ mà vẫn giữ vững lượng khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận,

Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với khối lượng lớn bằng cách áp dụng các chính sách chiết khấu ở những khách hàng lớn, quen thuộc như:

- Chiết khấu thương mại
 - Chiết khấu thanh toán
- **Chiết khấu thương mại**

Chiết khấu thương mại là số tiền bên mua được hưởng theo quy định của hợp đồng đã thỏa thuận dành cho khách hàng trong trường hợp khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

Để hạch toán chiết khấu thương mại, đơn vị sử dụng tài khoản 521 – chiết khấu thương mại. Chiết khấu thương mại được xây dựng dựa trên việc tham khảo các chính sách chiết khấu của doanh nghiệp cùng ngành đã có nhiều kinh nghiệm kết hợp phù hợp với chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp theo từng thời kỳ nhất định.

Quy định khi hạch toán chiết khấu thương mại

Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Khoản chiết khấu này không được hạch toán vào tài khoản 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi chiết khấu thương mại cho người mua chiết khấu thương mại ghi ngoài hóa đơn. Khoản chiết khấu thương mại này được hạch toán vào TK 521.

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 521.

Phương pháp hạch toán

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK521 - Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112 - Thanh toán ngay

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần.

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 - Chiết khấu thương mại

➤ Chiết khấu thanh toán

Chiết khấu thanh toán là số tiền doanh nghiệp cho khách hàng hưởng khi khách hàng thanh toán cho doanh nghiệp sớm hơn thời hạn ghi trong hợp đồng.

Ngoài thực hiện chiết khấu thương mại, việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cũng đem lại hiệu quả trong việc làm tăng lượng khách hàng, tăng doanh thu và thúc đẩy việc phục hồi vốn để tái sản xuất đầu tư.

Để hạch toán chiết khấu thanh toán, đơn vị sử dụng TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính.

Chiết khấu thanh toán dựa trên những điều kiện sau:

Đơn vị có thể xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán dựa vào lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.

Đơn vị có thể tham khảo chính sách chiết khấu của các doanh nghiệp đi trước kết hợp chiến lược kinh doanh cho phù hợp.

Đơn vị cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp căn cứ đối với từng khách hàng dựa theo thời gian hoặc số lượng hàng hóa hoặc kết hợp cả 2 sao cho phù hợp điều kiện của đơn vị.

Phương pháp hạch toán:

Chiết khấu thanh toán khách hàng được hưởng do trả tiền trước thời hạn:

Nợ TK 635

Có TK 131, 111, 112...

Kiến nghị 3: Về theo dõi chi tiết chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp

Về theo dõi và quản lý chi phí được thực hiện tốt thì kế toán công ty nên mở chi tiết các tài khoản 641 và 642 nhằm theo dõi chi phí phát sinh theo yếu tố:

✓ **Tài khoản 641** có thể mở thành các tài khoản cấp 2 như:

- TK 6411: Chi phí nhân viên bán hàng (lương và các khoản trích theo lương)
- TK 6413: Công cụ, dụng cụ
- TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài (thuê bến bãi, thuê bốc dỡ, vận chuyển, tiền hoa hồng)
- TK 6418 : Chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm).

✓ **Tài khoản 642** có thể mở chi tiết thành các tài khoản cấp 2 như:

- TK 6421 : Chi phí nhân viên quản lý(lương và các khoản trích theo lương)
- TK 6423: Chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng
- TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài (tiền điện, tiền nước...)
- TK 6428 : Chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, công tác phí...)

Qua việc mở chi tiết các tài khoản chi phí trên, sẽ giúp cho công ty dễ dàng theo dõi một cách chi tiết các khoản chi phí phát sinh trong kỳ kế toán. Từ đó, giúp nhà quản trị có thể thấy được những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức để có thể đưa ra những giải pháp kịp thời để giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí, nâng cao lợi nhuận cho công ty.

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi Nợ TK 642				
	SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra			
						...	6424	...	6427
A	B	C	D	E	1	4	7	8	
								
10/12	PC 30/12	10/12	Chi tiếp khách phục vụ quản lý	111	2.400.000				2.400.000
10/12	PC 31/12	10/12	Mua bình nước cho bộ phận quản lý	111	178.000				178.000
11/12	PC 32/12	11/12	Mua một bộ bàn ghế phục vụ văn phòng	111	1.058.000				1.058.000
11/12	PC 33/12	11/12	Mua giấy in tài liệu	111	65.000				65.000
								
31/12	BKH	31/12	Trích khấu hao TSCĐ T12/2011	214	12.256.496		12.256.496		
31/12	BL12	31/12	Tính lương phải trả bộ phận QLDN T12/2011	334	61.674.915				
								
			Cộng		1.225.914.290		147.077.952		128.375.728 175.514.826

Ngày 31 tháng 01 năm 2012

Người lập
(Ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi họ tên)

Kiến nghị 4: Về dự phòng nợ phải thu khó đòi

Là một doanh nghiệp thương mại, nên quy mô các khoản phải thu của khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán bị chậm trễ, thậm chí không có khả năng thanh toán sẽ gây nhiều rủi ro cho doanh nghiệp.

Để khắc phục vấn đề này, đơn vị nên trích lập dự phòng phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách hàng mất khả năng thanh toán.

➤ Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi

✓ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán trên hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ.

✓ Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán, nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người vay nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

➤ Phương pháp xác định

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản nợ phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số % khả năng mất (thất thu):

$$\text{Dự phòng phải thu khó đòi cần lập} = \text{Nợ phải thu khó đòi} \times \text{Số \% có khả năng mất}$$

➤ **Mức trích lập:** (Theo thông tư 228/2009/TT – BTC ngày 7/12/2009)

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng

➤ **Tài khoản sử dụng:** TK139 – Dự phòng nợ phải thu khó đòi

➤ **Phương pháp hạch toán**

- ✓ Cuối năm xác định số dự phòng cần trích lập:

Nợ TK 642

Có TK 139

✓ Đến cuối năm tiếp theo, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi ở kỳ kế toán này lớn hơn ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì hạch toán chênh lệch vào chi phí:

Nợ TK 642

Có TK 139

✓ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ này nhỏ hơn kỳ trước thì số chênh lệch được ghi giảm trừ chi phí:

Nợ TK139

Có TK642

✓ Nếu các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự không đòi được thì được phép xóa nợ:

Nợ TK 139: Nếu đã trích lập dự phòng

Nợ TK642: Nếu chưa trích lập dự phòng

Có TK 131:

Có TK138:

Đồng thời ghi: Nợ TK 004

✓ Đối với nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ sau đó thu hồi được:

Nợ TK111,112...

Có TK711

Đồng thời ghi : Có TK 004

Ví dụ: Tại Công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt, căn cứ vào báo cáo công nợ đến ngày 31/12/2011, kế toán xác định khoản nợ quá hạn là 305.345.073. Kế toán tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và xác định được số tiền cần trích lập là: 75.461.957. Đối với khoản nợ không đòi được của Công ty Cổ phần Mai Thanh là 15.547.926 đồng, công ty cần xóa sổ cho khách hàng.

Kế toán công ty sẽ trích lập dự phòng giá trị khoản nợ phải thu quá hạn trên là:

Nợ TK 642: 75.461.957

Có TK 139: 75.461.957

Đối với khoản nợ không đòi được của công ty Cổ phần Mai Thanh, công ty đã nhiều lần cử nhân viên đến đòi nợ nhưng vẫn không đòi được vì Công ty Cổ phần Mai Thanh đã giải thể nên khoản nợ không đòi được này cần xử lý đưa vào chi phí như sau:

Nợ TK 642: 15.547.926

Có TK 131: 15.547.926

Đồng thời ghi Nợ TK 004: 15.547.926

KẾT LUẬN

Sau một thời gian thực tập tại công ty TNHH TM & DV dầu khí An Đạt, tìm hiểu về công tác kế toán tại công ty, được sự giúp đỡ của các cô, chú trong công ty cùng với sự hướng dẫn của Th.s Nguyễn Văn Thụ - Giảng viên hướng dẫn, em đã vận dụng lý thuyết, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty, học tập thêm được những bài học và kinh nghiệm làm việc quý báu. Điều đó giúp em hiểu sâu hơn về lý luận chung, so sánh được sự giống và khác nhau giữa lý luận và thực tiễn nhằm bổ sung kiến thức đã được học trên ghế nhà trường.

Do thời gian thực tập có hạn cũng như nhận thức của bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận này còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo, các bạn sinh viên trong toàn khoa để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình và chu đáo của giảng viên Th.s Nguyễn Văn Thụ cũng như sự giúp đỡ của các cô chú, anh chị trong phòng kế toán tại đơn vị đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS. Võ Văn Nhi, *Kế toán tài chính*, nhà xuất bản Tài chính, xuất bản năm 2007
2. Nguyễn Phú Giang, *Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính*, nhà xuất bản Tài chính Hà Nội, xuất bản năm 2007
3. GS.TS Ngô Thế Chi và TS. Trương Thị Thủy, *Giáo trình kế toán tài chính*, nhà xuất bản Tài chính, xuất bản năm 2008
4. TS. Nguyễn Phú Giang, *Kế toán dịch vụ*, nhà xuất bản Tài chính, xuất bản năm 2009
5. TS. Nguyễn Tuấn Duy và TS. Nguyễn Phú Giang, *Kế toán quản trị (sách chuyên khảo)*, nhà xuất bản Tài chính, xuất bản năm 2008
6. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/BTC ngày 20/03/2006
Quyển I : *Hệ thống tài khoản kế toán*
Quyển II : *Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán.*
Nhà xuất bản: Nhà xuất bản tài chính
7. Trang web: <http://webketoan.com>